

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/10/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 118/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại: www.tranphucable.com.vn từ ngày /tháng.....năm

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú

Địa chỉ : 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 38691172

Fax: (84.4) 38691802

Website : www.tranphucable.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39352722

Fax: (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886

Fax: (84.8) 38218510

Phụ trách công bố thông tin:

Bà : Trần Thị Nga

Điện thoại : (84.4) 62952719

Fax: (84.4) 38691802

DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

TT	DANH MỤC HỒ SƠ
1.	Bản cáo bạch
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
3.	Điều lệ công ty
4.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành
5.	Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ chào bán
6.	Báo cáo tài chính 2012, 2013, 9T/2014
7.	Các hồ sơ về đất
8.	Các giấy phép liên quan đến dự án

THÁNG 11 | 2014



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ
ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/10/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngàytháng.....năm.....)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại: www.tranphucable.com.vn từ ngày /tháng.....năm

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú

Địa chỉ : 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38691172

Fax: (84.4) 38691802

Website : www.tranphucable.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)



Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722

Fax: (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886

Fax: (84.8) 38218510

Phụ trách công bố thông tin:

Bà : Trần Thị Ngà

Điện thoại : (84.4) 62952719

Fax: (84.4) 38691802

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/02/2010, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 29/10/2013,
đăng ký thay đổi lần 3 ngày 11/11/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	: 7.840.000 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	: 78.400.000.000 đồng
Đối tượng phát hành	: Cổ đông hiện hữu

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722

Fax: (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886

Fax: (84.8) 38218510

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ : Số 1, Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38241990

Fax: (84.4) 38253973

Website : aasc.com.vn

MỤC LỤC

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ	1
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	1
3. RỦI RO ĐẶC THÙ	1
4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	2
5. RỦI RO PHA LOÃNG.....	3
6. RỦI RO KHÁC	5
PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	6
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	6
PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	7
PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	8
1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	8
2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:.....	8
3. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	9
4. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	11
4.1. Cơ cấu tổ chức	11
4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	11
5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG.....	19
5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại thời điểm 10/06/2014.....	19
5.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/06/2014.....	19
5.3. Danh sách cổ đông sáng lập.....	20
6. DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN QUAN	20
6.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành:	20
6.2. Công ty con của Tổ chức phát hành:	20
6.3. Danh sách công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:	20

6.4.	Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành.....	20
6.5.	Danh sách các công ty liên kết của Tổ chức phát hành (31/12/2013).....	20
7.	QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ	20
8.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	21
8.1.	Sản phẩm kinh doanh chính.....	21
8.2.	Giá trị sản phẩm sản xuất và tiêu thụ qua các năm.....	23
8.3.	Nguyên liệu đầu vào.....	27
8.4.	Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	28
8.5.	Trình độ công nghệ	30
8.6.	Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	31
8.7.	Hoạt động marketing	32
8.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	32
8.9.	Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	33
9.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	37
9.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh	37
9.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo	37
10.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH.....	38
10.1.	Vị thế của Công ty trong ngành	38
10.2.	Triển vọng của ngành	38
10.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành	39
11.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	39
11.1.	Số lượng và cơ cấu lao động.....	39
11.2.	Các chính sách đối với người lao động	40
12.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	40
13.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	41
13.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	41

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	44
13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	45
13.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT.....	45
13.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát.....	58
13.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc.....	65
14. TÀI SẢN.....	66
15. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO.....	67
16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	68
17. THỜI HẠN DỰ KIẾN ĐƯA CỔ PHIẾU VÀO GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CÓ TỔ CHỨC.....	69
18. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN.....	69
19. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN.....	69
PHẦN 5: CỔ PHẦN CHÀO BÁN.....	70
1. LOẠI CỔ PHẦN.....	70
2. MỆNH GIÁ.....	70
3. TỔNG SỐ CỔ PHẦN DỰ KIẾN CHÀO BÁN.....	70
4. GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN.....	70
5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....	70
6. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI.....	70
7. THỜI GIAN PHÂN PHỐI DỰ KIẾN.....	71
8. ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU.....	71
9. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN.....	72
10. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI.....	72
11. CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG.....	72
12. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.....	72
13. TỶ LỆ CHÀO BÁN THÀNH CÔNG VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ.....	73
14. MỞ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU.....	73
PHẦN 6: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	74

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	74
2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI	74
2.1. Căn cứ pháp lý của dự án:	74
2.2. Sự cần thiết phải thực hiện đầu tư vào dự án	74
2.3. Những nét chính của dự án:	75
2.4. Chỉ tiêu tài chính	76
PHẦN 7: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	79
PHẦN 8: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH	80
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	80
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN:	80

MỤC LỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu tổ chức, quản lý	11
---------------------------------------	----

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Công ty	10
Bảng 2: Các danh hiệu và phần thưởng cao quý được trao tặng thời gian qua:	10
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/06/2014.....	19
Bảng 4: Cơ cấu sản phẩm sản xuất và tiêu thụ.....	23
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp	25
Bảng 6: Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	29
Bảng 7: Máy móc thiết bị chuyên dùng của Công ty	30
Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính trong các năm gần đây	31
Bảng 9: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa	33
Bảng 10: Các hợp đồng lớn đang thực hiện	34
Bảng 11: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính.....	37
Bảng 12: Cơ cấu lao động Công ty	39
Bảng 13: Vốn kinh doanh qua các năm.....	41
Bảng 14: Thời gian khấu hao tài sản cố định	41
Bảng 15: Tình hình trích lập các quỹ	42
Bảng 16: Tình hình nợ vay	42
Bảng 17: Các khoản phải thu ngắn hạn.....	43
Bảng 18: Các khoản phải trả ngắn hạn.....	43
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	44
Bảng 20: Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2013	66
Bảng 21: Chi tiết tài sản cố định tại 30/09/2014	66
Bảng 22: Đất đai thuộc sở hữu của Công ty.....	67
Bảng 23: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014-2015	67
Bảng 24: Các số liệu cơ bản về tổng mức đầu tư.....	76

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Lĩnh vực hoạt động của Công ty gắn liền với công cuộc công nghiệp hóa và xây dựng. Vì vậy, hoạt động kinh doanh cũng như nhu cầu về các sản phẩm của Trần Phú chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự phát triển chung của nền kinh tế. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, nhu cầu tăng sẽ thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngược lại, trong giai đoạn suy thoái của nền kinh tế, sức mua có xu hướng giảm gây cản trở sự phát triển hoạt động sản xuất. Ngoài mức tăng trưởng, các chỉ tiêu khác về kinh tế như lạm phát, tỷ giá, và lãi suất cũng có những tác động nhất định tới hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Là một công ty cổ phần đại chúng, Trần Phú chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và một số bộ luật, văn bản có liên quan khác như các Luật Thuế, Luật đầu tư... Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam đang dần được hoàn thiện, theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa tạo hành lang pháp lý bình đẳng, thông thoáng cho hoạt động của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, thì việc thay đổi các chính sách, quy định, đặc biệt là các thay đổi trong thời gian ngắn có thể đặt ra các thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp, trong đó có Trần Phú vì việc áp dụng không kịp thời, không đồng bộ các văn bản pháp luật điều chỉnh hoặc có nhiều cách hiểu khác nhau đối với cùng một văn bản quy phạm pháp luật sẽ có thể dẫn đến rủi ro về mặt pháp lý đối với hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, Trần Phú còn phải tuân thủ những quy định của pháp luật chuyên ngành như các quy định về quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật hay chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, thực tế Công ty khá chú trọng tới việc đầu tư, đổi mới trang thiết bị, bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt và vượt tiêu chuẩn cho nên các rủi ro về thay đổi tiêu chuẩn kỹ thuật ít ảnh hưởng tới Công ty.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

Trần Phú hoạt động trong lĩnh vực sản xuất dây cáp điện, vì vậy chịu ảnh hưởng từ những rủi ro chung của lĩnh vực sản xuất công nghiệp thiết bị điện, rủi ro đặc thù của ngành như rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, rủi ro công nghệ, rủi ro tỷ giá. Xét trên các điều kiện riêng của Công ty, sự cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm tương tự là một trong các nhân tố rủi ro trọng yếu mà Công ty phải đối mặt trong thời gian gần đây. Ngoài ra, Công ty cũng gặp rủi ro về lãi suất do một phần vốn kinh doanh của Công ty được tài trợ bởi các nguồn vốn vay của ngân hàng.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn, 85%, giá thành sản phẩm của Trần Phú. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào biến động giá của các nguyên liệu như nhựa PVC, nhựa XLPE, đồng tấm, dây đồng... Theo dự báo của Ngân hàng thế giới, giá cả các nguyên vật liệu này sẽ ổn định trong giai đoạn tới năm 2025. Điều này giúp

Công ty quản lý giá nguyên liệu dễ dàng hơn cùng với việc thiết lập các mối quan hệ lâu dài với các đơn vị cung cấp lớn để có được giá cả hợp lý cùng nguồn nguyên liệu ổn định. Tuy nhiên, sự phân bổ đầu mỗi cung cấp của Công ty hiện nay còn có sự tập trung rất lớn vào một số ít các đơn vị. Nếu việc ký kết hợp đồng với các đơn vị kể trên gặp khó khăn trong tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá thành sản phẩm.

Rủi ro công nghệ:

Nếu có công nghệ sản xuất mới hiệu quả hơn và tốn ít chi phí hơn, Công ty sẽ phải đầu tư những hệ thống mới làm tăng chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, nếu xuất hiện sản phẩm thay thế có chất lượng cao hơn với giá thành rẻ hơn những sản phẩm chính hiện nay của Trần Phú, nhu cầu đối với sản phẩm của Công ty sẽ giảm mạnh, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận bị ảnh hưởng.

Rủi ro tỷ giá:

Trước đây Trần Phú nhập khẩu nguyên vật liệu của tập đoàn BHP của nước ngoài nên kết quả kinh doanh bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá. Tuy nhiên, rủi ro về tỷ giá đã được giảm thiểu đáng kể nhờ việc Công ty gia tăng mua hàng trong nước cũng như ký các hợp đồng tỷ giá dài hạn với các đối tác.

Rủi ro lãi suất:

Nguồn vốn kinh doanh của Trần Phú hiện nay được đáp ứng chủ yếu nhờ vốn vay ngân hàng. Với cơ cấu nợ lớn, biến động của lãi suất có thể ảnh hưởng tới chi phí tài chính cũng như khả năng huy động vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh:

Hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp sản xuất cùng loại sản phẩm với Trần Phú. Ngoài những doanh nghiệp nước ngoài trong khu vực Asean, có khoảng 200 nhà sản xuất dây cáp điện trong nước, chưa kể những sản phẩm dây cáp điện không rõ xuất xứ có chất lượng cùng giá thành thấp trên thị trường. Tính cạnh tranh cao trong ngành dẫn đến sức ép về giá bán lớn cho Trần Phú. Đặc biệt, hiện nay đã có hiện tượng thương hiệu Trafuco bị làm giả, làm nhái, ảnh hưởng đến uy tín và sức tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Đợt chào bán đã được tính toán kỹ lưỡng căn cứ vào tình hình thị trường, giá chào bán và mục đích huy động vốn phù hợp. Trong đợt phát hành tăng vốn lần này, Công ty không sử dụng dịch vụ bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không huy động được đủ số vốn cần thiết. Trong trường hợp đợt chào bán không thành công như mong đợi, số lượng cổ phần còn lại sẽ được giao cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các nhà đầu tư với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tuy nhiên, rủi ro từ đợt chào bán này được xem là thấp vì đối tượng được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là cổ đông hiện hữu hiểu rõ định hướng phát triển, tình hình sản xuất kinh doanh

của Trần Phú.

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho dự án đầu tư “Xây dựng di chuyển nhà máy sản xuất dây cáp điện”. Việc triển khai dự án nhằm thực hiện quy hoạch chung của thành phố Hà Nội là chuyển các cơ sở sản xuất ra ngoài nội thành, đồng thời dự án hoàn thành sẽ góp phần củng cố và nâng cao năng lực hoạt động sản xuất cho Trần Phú trong thời gian tới. Do lĩnh vực đầu tư của dự án không khác biệt so với ngành kinh doanh hiện tại của Công ty, dự án này sẽ chịu ảnh hưởng từ những rủi ro tương tự với các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất hiện tại của Công ty như rủi ro về công nghệ, cạnh tranh, biến động giá nguyên vật liệu... Những yếu tố này nếu biến động bất lợi có thể gây thua lỗ cho dự án cũng như cho Công ty. Ngoài ra, các sự kiện không mong muốn xảy ra trong quá trình triển khai dự án như chậm tiến độ do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sẽ dẫn tới tăng tổng mức đầu tư dự án, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tăng, bất ổn kinh tế, chính trị... cũng ảnh hưởng tới tiến độ dự án và hiệu quả của dự án. Để hạn chế các rủi ro của dự án trong quá trình triển khai, Công ty đã phối hợp với các đơn vị tư vấn, thi công khảo sát kỹ hiện trạng, địa điểm dự án để đánh giá và lập kế hoạch cũng như xây dựng phương án tổ chức triển khai, quản lý tiến độ thực hiện đảm bảo mục tiêu đề ra.

5. RỦI RO PHA LOÃNG

Việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng giá và thu nhập trên cổ phiếu. Cụ thể, đối với đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu của Trần Phú, mức độ pha loãng giá và thu nhập trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc phát hành thêm như sau:

Rủi ro pha loãng giá cổ phần

Tổng số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu là 7.840.000 cổ phần với giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Giá giao dịch của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu cổ phiếu Trần Phú sẽ bị điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{PR_{t-1} * A_{t-1} + PR * A_R}{A_{t-1} + A_R}$$

Trong đó:

- P_{pl} : Giá cổ phiếu sau khi pha loãng (hay giá tham chiếu của cổ phiếu Trần Phú trong ngày giao dịch không hưởng quyền)
- PR_{t-1} : Giá thị trường của cổ phiếu Trần Phú trong ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền

- PR: Giá bán cổ phiếu phát hành thêm
- A_{t-1} : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- A_R : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

Ví dụ: giá của cổ phiếu Trần Phú tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 11.000 đồng/cổ phiếu, giá tham chiếu của cổ phiếu Trần Phú tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được tính như sau:

$$P_{pl} = \frac{11.000 * 7.840.000 + 10.000 * 7.840.000}{7.840.000 + 7.840.000} = 10.500 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong đó:

- PR_{t-1} : Giá thị trường của cổ phiếu Trần Phú trong ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền giả định là 11.000 đồng/cổ phiếu
- A_{t-1} : Tổng số cổ phần đang lưu hành hiện tại: 7.840.000 cổ phần
- A_R : Số cổ phiếu phát hành thêm: 7.840.000 cổ phần
- PR: Giá cổ phiếu phát hành thêm: giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 15.680.000 cổ phần.

Rủi ro pha loãng thu nhập trên cổ phiếu

Sau đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú có thể sẽ bị ảnh hưởng do sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) pha loãng được tính như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Mức độ pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú sau khi phát hành như sau:

T T	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Số cổ phần tại thời điểm 01/01/2014 đã điều chỉnh theo tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2014 (40%)	Cổ phần	7.840.000
2	Số cổ phần phát hành thêm (31/12/2014)	Cổ phần	7.840.000
3	Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm 2014	Cổ phần	7.840.000

T T	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
4	Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2014	VNĐ	28.000.000.000
5	EPS của năm 2014 dự kiến trước khi phát hành	VNĐ/cổ phần	3.571
6	EPS của năm 2014 dự kiến sau khi phát hành	VNĐ/cổ phần	3.571

Như vậy, do cổ phiếu được phát hành thêm vào thời điểm cuối năm 2014, việc tăng vốn điều lệ thêm 78,4 tỷ đồng không làm thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú thay đổi ngay trong năm 2014.

6. RỦI RO KHÁC

Những rủi ro bất khả kháng ít có khả năng xảy ra như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, hay hỏa hoạn... có thể gây thiệt hại về tài sản, con người, và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chung và sự phát triển của Công ty.

PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ông: Quản Ngọc Cường

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà: Đỗ Thị Thu Trà

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Nguyễn Dũng

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Huy Hoài

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú cung cấp.

PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- “**TRAFUCO**”, “**Công ty**”, “**Tổ chức phát hành**” “**Trần Phú**”: Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
- “**Cổ phiếu**”: Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
- “**Bản cáo bạch**”: Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư
- “**Đại hội đồng cổ đông**”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
- “**Hội đồng quản trị**”: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
- “**Tổ chức tư vấn**”, “**BSC**”: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam

- Các từ hoặc nhóm từ viết tắt được viết trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- | | |
|----------|-------------------------------|
| • BGĐ | : Ban Giám đốc |
| • BKS | : Ban kiểm soát |
| • BCTC | : Báo cáo tài chính |
| • CBCNV | : Cán bộ công nhân viên |
| • CMND | : Chứng minh nhân dân |
| • CTCP | : Công ty cổ phần |
| • DT | : Doanh thu |
| • DTT | : Doanh thu thuần |
| • ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| • ĐKKD | : Đăng ký kinh doanh |
| • GDP | : Tổng sản phẩm quốc nội |
| • HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| • LNST | : Lợi nhuận sau thuế |
| • SXKD | : Sản xuất kinh doanh |
| • TSCĐ | : Tài sản cố định |
| • UBND | : Ủy ban nhân dân |
| • UBCKNN | : Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước |
| • VCSH | : Vốn chủ sở hữu |
| • VNĐ | : Việt Nam đồng |

PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- **Tên tiếng Việt:** Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú
- **Tên tiếng Anh:** Tran Phu Electric Mechanical Joint Stock Company
- **Tên viết tắt:** Trafuco.,JSC
- **Logo:**



- **Vốn điều lệ:** 78.400.000.000 VNĐ
- **Trụ sở chính:** 41 Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- **Điện thoại:** (844).3869 1172
- **Fax:** (844).3869 1802
- **Website:** www.tranphucable.com.vn
- **Mã số thuế:** 0100106063
- **Đăng ký kinh doanh:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/10/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11/11/2014.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ☐ Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- ☐ Đúc sắt, thép
- ☐ Đúc kim loại mẫu
- ☐ Sản xuất các cấu kiện kim loại
- ☐ Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại
- ☐ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- ☐ Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- ☐ Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
- ☐ Sản xuất dây, cáp điện và điện tử
- ☐ Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
- ☐ Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
- ☐ Sản xuất đồ điện dân dụng

- ☐ Sản xuất thiết bị điện khác
- ☐ Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển cả truyền chuyển động
- ☐ Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bóc xếp
- ☐ Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén
- ☐ Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại
- ☐ Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng
- ☐ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, khu đô thị
- ☐ Lắp đặt hệ thống điện
- ☐ Lắp đặt hệ thống cấp thoát cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- ☐ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- ☐ Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện)
- ☐ Bán buôn quặng kim loại
- ☐ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ☐ Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm)
- ☐ Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chi tiết kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô)
- ☐ Vận tải hành khách đường bộ khác (chi tiết vận tải hành khách theo tuyến cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hành khách bằng xe buýt; vận tải hành khách bằng taxi; vận tải khách du lịch;
- ☐ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)
- ☐ Quảng cáo thương mại
- ☐ Hoạt động chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất dây và cáp điện
- ☐ Cho thuê máy móc thiết bị sản xuất dây cáp điện các loại
- ☐ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh giao nhận hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm); xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm)
- ☐ Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: dạy nghề: công nhân kỹ thuật chế tạo dây và cáp điện (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

3. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Cách đây 30 năm, vào năm 1984, Công ty cổ phần cơ điện Trần Phú ra đời với tên gọi là Xí nghiệp cơ khí xây dựng Trần Phú trên cơ sở sáp nhập 2 xí nghiệp trực thuộc Sở Xây Dựng Hà Nội là Xí nghiệp cơ khí xây dựng và Xí nghiệp cơ khí Trần Phú.

Trong giai đoạn đầu, Trần Phú gặp rất nhiều khó khăn không những về vốn, trang thiết bị công nghệ lạc hậu, mà còn về kiến thức và năng lực tổ chức quản lý của đa số cán bộ công nhân viên. Những sản phẩm đầu tiên chỉ là những sản phẩm cơ khí thông thường như máy trộn bê tông 250l, máy trộn vữa 80l, cần cẩu thiết bị, giàn giáo tuýp, máy đùn ép gạch, xe cải tiến...

Bước sang năm 1988, thời điểm Nhà nước thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từ quản lý tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa, thị trường cho các sản phẩm truyền thống dần biến mất, đời sống và việc làm của người lao động không được đảm bảo. Ban lãnh đạo lúc bấy giờ quyết định chuyển đổi cơ cấu sản phẩm để nắm bắt được nhu cầu tiềm năng của các sản phẩm dây cáp điện trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Dây chuyền đúc cán nhôm của Trần Phú được đánh giá cao, đạt sản lượng 800-1000 tấn cáp nhôm/năm cung cấp cho ngành điện và các lĩnh vực kinh tế khác.

Từ năm 1992, Công ty mạnh dạn vay vốn đầu tư dây chuyền hiện đại, phát triển sản xuất, mở rộng sang lĩnh vực đồng để tăng khả năng cạnh tranh. Các dây chuyền thiết bị hiện đại và tiên tiến hàng đầu của Châu Âu được lắp đặt tại trụ sở 41 Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Sau 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú đã vươn mình trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất dây cáp điện ở Việt Nam, luôn nằm trong top 500 công ty có doanh số cao nhất cả nước.

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Công ty

1984	Xí nghiệp cơ khí xây dựng Trần Phú
1989	Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất cáp nhôm
1992	Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất cáp đồng
2010	Cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ 56.000.000.000 đồng
2014	Tăng vốn điều lệ lên 78.400.000.000 đồng

Bảng 2: Các danh hiệu và phần thưởng cao quý được trao tặng thời gian qua:

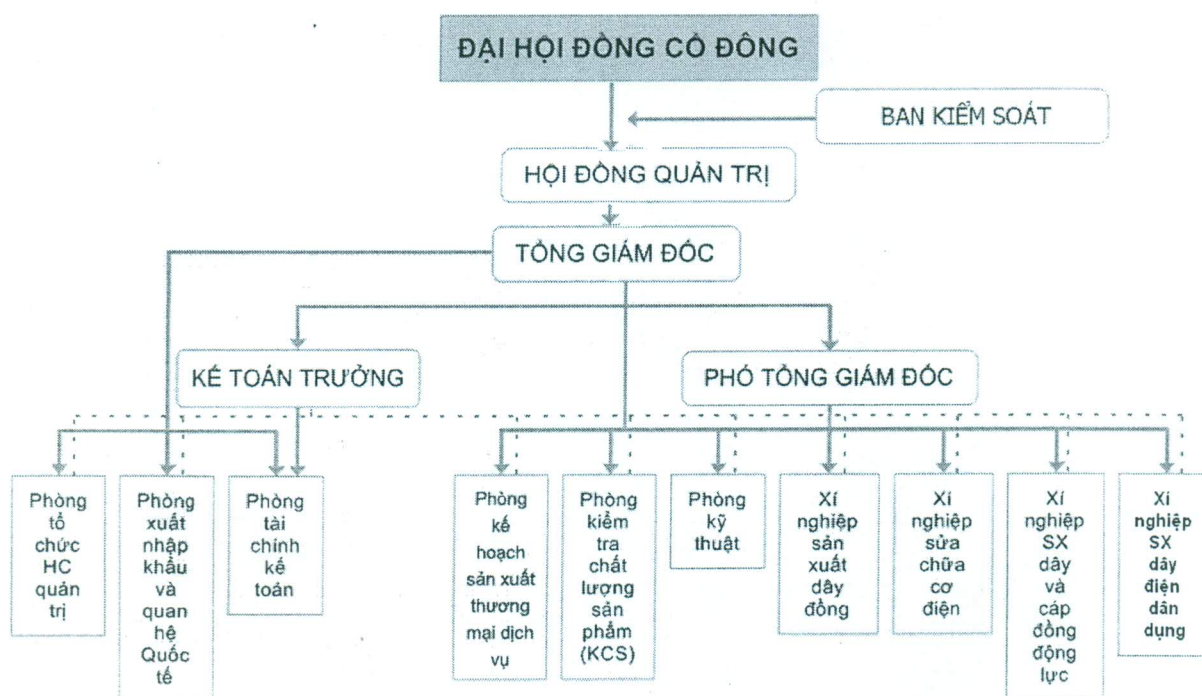
Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới
Huân chương độc lập hạng ba
Huân chương lao động hạng nhất
Huân chương độc lập hạng nhì
Huân chương độc lập hạng ba

Huân chương chiến công hạng nhì
Đơn vị quyết thắng
Công đoàn cơ sở vững mạnh suất sắc
Đơn vị thi đua suất sắc
Đơn vị thi đua xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc

4. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

4.1. Cơ cấu tổ chức

Hình 1: Cơ cấu tổ chức, quản lý



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Trần Phú, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường và qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Trafuco, thực trạng tài chính Trafuco và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Trafuco, có quyền giám sát và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh và công việc của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng Giám đốc quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty.

Các Phòng chức năng

Phòng Tổ chức – Hành chính

Chức năng: Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty xây dựng hệ thống các quy định, quy chế quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về các công tác tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương, bảo vệ an ninh chính trị, quân sự, thi đua khen thưởng, hành chính quản trị

Nhiệm vụ

- ❖ Lập danh sách và quản lý nhân sự, triển khai các biện pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng với nhu cầu của các đơn vị;
- ❖ Tham mưu với giám đốc về công tác đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, công tác tổ chức bố trí sắp xếp lao động phù hợp với yêu cầu của SXKD;
- ❖ Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác lao động tiền lương, thanh toán tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động (chế độ BHXH, BHYT, BHTN...);
- ❖ Lập kế hoạch cho công tác tuyển dụng, đào tạo (Đề xuất các tiêu chí tuyển chọn và bố trí sắp xếp nhân sự vào các vị trí trong các bộ phận của công ty);
- ❖ Phụ trách công tác thi đua khen thưởng, quân sự, công tác bảo vệ tài sản, công tác an ninh trật tự, bảo vệ nội bộ cơ quan, công tác phòng cháy chữa cháy, phòng chống lụt bão...;
- ❖ Nắm vững mọi quy chế, nội quy, quy định, chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước cũng như của Công ty ban hành để triển khai thực hiện và kiểm tra đôn đốc trong toàn Công ty;
- ❖ Thực hiện công tác hành chính quản trị văn phòng, công tác văn thư lưu trữ, công tác cung cấp thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, quản lý đất đai nhà xưởng;
- ❖ Xây dựng quy chế xử lý thông tin trong Công ty trên nguyên tắc đảm bảo các luồng thông tin đi, đến đều được trình cho người có thẩm quyền cao nhất để phân công cho các phòng, đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện, chuyển thông tin cho phòng, đơn vị, cá nhân được phân công xử lý thông tin kịp thời, đảm bảo mọi mệnh lệnh đều đã được thực hiện và xử lý, có phản hồi để kiểm tra kết quả;

- ❖ Quản lý mạng và trang thông tin điện tử của Công ty;
- ❖ Chăm lo sức khỏe ban đầu cho CBCNV về y tế, khám sức khỏe, ăn ca;
- ❖ Kiểm tra giám sát theo dõi việc thực hiện các nội quy, quy chế, quy định của nhà nước cũng như của Công ty ban hành về an toàn vệ sinh lao động môi trường và trật tự ngăn nắp trong Công ty;
- ❖ Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất;
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình.

Phòng kỹ thuật

Chức năng: Tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, quản lý thiết bị máy móc, công tác đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị và phát triển sản phẩm mới, dự án xây dựng và di chuyển nhà máy, công tác an toàn lao động, PCCC, đào tạo nâng bậc.

Nhiệm vụ:

- ❖ Quản lý công tác kỹ thuật công nghệ, xây dựng các quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm của Công ty;
- ❖ Xây dựng các tiêu chí, đặc tính kỹ thuật, quy trình kiểm tra chất lượng của nguyên vật liệu, vật tư chính, phụ;
- ❖ Xây dựng các tiêu chí, đặc tính kỹ thuật, quy trình kiểm tra chất lượng cho từng loại sản phẩm của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn Quốc tế;
- ❖ Đăng ký sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn;
- ❖ Xây dựng và theo dõi giám sát định mức lao động và định mức vật tư chính phụ của từng loại sản phẩm;
- ❖ Quản lý toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của Công ty, phối hợp lập kế hoạch kiểm tra giám sát với phân xưởng Cơ điện về quá trình sửa chữa bảo dưỡng duy tu;
- ❖ Quản lý toàn bộ thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định của Nhà nước;
- ❖ Xây dựng và quản lý hệ thống chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM;
- ❖ Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất;
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình;
- ❖ Quản lý và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, đầu tư thiết bị máy móc mới;
- ❖ Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới (tìm hiểu mẫu mã, cấu tạo, tiêu chuẩn sản xuất, định mức vật tư, tính giá sơ bộ sản phẩm....lập báo cáo khả thi trình Tổng Giám đốc duyệt và triển khai thực hiện;
- ❖ Quản lý triển khai thực hiện công tác BHLĐ, PCCN đúng quy định Nhà nước. Xây dựng quy chế thưởng phạt về an toàn lao động;
- ❖ Phối hợp với Phòng kinh tế kế hoạch thực hiện các lô thầu Quốc tế và trong nước;

- ❖ Phối hợp với Phòng TCHC quản trị thực hiện công tác đào tạo.

Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm

Chức năng: Tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc công ty về công tác chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý chất lượng ISO, công tác bảo vệ thương hiệu, công tác chống hàng giả

Nhiệm vụ:

- ❖ Nắm vững các quy định của Nhà nước và Công ty về công tác quản lý chất lượng sản phẩm, nghiên cứu và đề xuất các biện pháp để triển khai thực hiện;
- ❖ Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra chất lượng vật tư, bán thành phẩm đầu vào, thành phẩm, bán thành phẩm trong suốt quá trình sản xuất;
- ❖ Kiểm soát quá trình sản xuất sản phẩm từ nguyên công đầu tiên đến khi sản phẩm cuối cùng trước khi nhập kho;
- ❖ Kiểm soát quá trình vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, TQM của Công ty trong sản xuất; thường xuyên theo dõi kiểm tra việc thực hiện của hệ thống. Đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 được triển khai toàn diện trong toàn Công ty;
- ❖ Tham gia tìm nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục khi có sản phẩm không đạt chất lượng bị phản hồi;
- ❖ Xây dựng kế hoạch bảo vệ thương hiệu, chống hàng giả;
- ❖ Tổ chức kiểm tra hiệu chỉnh bảo dưỡng dụng cụ đo lường trong Công ty. Theo dõi việc thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị dụng cụ đo lường với trung tâm đo lường Nhà nước;
- ❖ Hướng dẫn đào tạo công nhân sử dụng các thiết bị đo kiểm trong quá trình sản xuất;
- ❖ Xây dựng quy chế thưởng phạt về chất lượng, an toàn lao động;
- ❖ Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất;
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình.

Phòng tài chính kế toán

Chức năng:

Tham mưu và giúp Tổng giám đốc trong lĩnh vực chỉ đạo và quản lý công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán. Xúc tiến huy động tài chính và quản lý công tác đầu tư tài chính. Thực hiện và theo dõi công tác tiền lương, tiền thưởng, các khoản thu nhập, chi trả theo chế độ chính sách cho người lao động trong Công ty. Thanh quyết toán các chi phí hoạt động, chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh và chi phí đầu tư các dự án theo quy định.

Nhiệm vụ:

a, Thực hiện công tác Tài chính trong Công ty

- ❖ Lập và xúc tiến huy động tài chính và quản lý công tác đầu tư tài chính. Cân đối các nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ;
- ❖ Xây dựng hướng dẫn theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quy chế tài chính và những quy định khác về chi phí áp dụng trong nội bộ Công ty;

- ❖ Chủ trì và phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan xây dựng quy chế về quản lý và chi tiêu các quỹ đúng quy định.

b, Thực hiện công tác kế toán

- ❖ Theo dõi, tính toán cập nhật, báo cáo đầy đủ chính xác, kịp thời tình hình sử dụng quản lý các quỹ, tài sản, vật tư, các nguồn vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ❖ Quản lý mọi khoản thu chi, thanh toán tiền lương, các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty;
- ❖ Tính toán, trích nộp đầy đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước theo luật định;
- ❖ Tổ chức các nghiệp vụ giải ngân, thanh toán;
- ❖ Tổ chức thực hiện chi trả cổ tức theo đúng điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; chi trả vốn vay, lãi vay theo quy định;
- ❖ Chủ trì công tác quyết toán, kiểm toán đúng kỳ hạn;
- ❖ Chủ trì công tác kiểm kê tài sản, tổng hợp, lập báo cáo thống kê về tài chính, kế toán;
- ❖ Xây dựng quy chế thu chi, quản lý tài chính tại Công ty;
- ❖ Quản lý công tác thống kê của Công ty theo quy định.

c, Công tác khác

- ❖ Theo dõi thị trường chứng khoán khi Công ty niêm yết Cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, tổng hợp tình hình để phục vụ thông tin cho lãnh đạo;
- ❖ Bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán, tài chính, chứng từ có giá, giữ bí mật các tài liệu và số liệu; Quản lý tài sản cố định: theo dõi giá trị tài sản của Công ty, tổ chức kiểm kê tài sản theo định kỳ, thực hiện chế độ khấu hao tài sản cố định, thu nộp các khoản tài chính theo quy định của Nhà nước ban hành;
- ❖ Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất;
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình.

Phòng kinh doanh sản xuất thương mại dịch vụ

Chức năng :

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn, ngắn hạn theo định hướng phát triển nhu cầu thị trường và năng lực của Công ty, triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Vật tư sản xuất, điều độ sản xuất...)

Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong công tác định hướng hoạt động kinh doanh, xây dựng các kế hoạch kinh doanh, thị trường, bán hàng dài hạn, trung hạn, ngắn hạn theo phương hướng phát triển của ngành, nhu cầu thị trường và năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty, công tác triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty (thị trường, bán hàng, tham gia dự án, quảng cáo, xúc tiến thương mại ...)

Nhiệm vụ:

- ❖ Làm báo giá, bán các sản phẩm của Công ty, phụ trách các đại lý dây điện dân dụng ;

- ❖ Làm công tác thống kê, báo cáo giá trị, sản lượng bán, cơ cấu doanh số theo ngày tuần quý của các nhà phân phối cấp 1, project sales, marketing và của toàn bộ hệ thống. Cân đối theo dõi sản lượng bán, phối hợp với bộ phận điều độ sản xuất để điều chỉnh sát với tình hình thị trường;
- ❖ Phụ trách điều độ phương tiện, chứng từ và thủ tục bán - giao hàng cho khách;
- ❖ Triển khai mở rộng thị trường bán hàng trong nước các sản phẩm của Công ty, quan tâm chăm sóc những khách hàng truyền thống và tìm kiếm các khách mới. Đảm bảo công tác giao dịch khách hàng nhiệt tình và có hiệu quả. Thu thập và báo cáo các thông tin về thị trường. Nghiên cứu, tìm hiểu sản phẩm mới;
- ❖ Tìm hiểu, cập nhật các thông tin về giá cả thị trường, đối thủ cạnh tranh, đề xuất lãnh đạo các cơ chế chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng, nghiên cứu các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước liên quan đến hoạt động bán-phân phối hàng của Công ty. Thực hiện việc khuyến trương xúc tiến giới thiệu sản phẩm, bán hàng qua các dự án, thương mại điện tử, website, hội trợ triển lãm trong nước. Nghiên cứu, tìm hiểu, tư vấn và báo cáo lãnh đạo về các tập quán, pháp luật, thông lệ kinh doanh tại các vùng miền, về các đối tác trong nước;
- ❖ Thực hiện các trương trình quảng cáo, hội chợ thương mại. Lập dự án xây dựng, củng cố bảo vệ và phát triển thương hiệu của Công ty. Phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu tại các thị trường được xác định có thể phát triển được, quan hệ với công chúng (PR) quan hệ với giới truyền thông báo chí và tổ chức sự kiện;
- ❖ Chủ trì và phối hợp với phòng tài chính kế toán để thu hồi nợ của khách hàng;
- ❖ Thực hiện triển lãm quảng bá giới thiệu sản phẩm;
- ❖ Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất theo chỉ thị của Giám đốc;
- ❖ Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất.
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình.
- ❖ Lập và quản lý các hợp đồng kinh tế. Chủ trì và phối hợp với các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc trong Công ty thanh lý các hợp đồng kinh tế;
- ❖ Căn cứ vào các hợp đồng kinh tế, các đơn đặt hàng đã được phê duyệt và năng lực sản xuất của Công ty:
 - ✓ Lập kế hoạch, tiến độ sản xuất cho các đơn vị;
 - ✓ Lập kế hoạch vật tư, dự trữ số lượng, chủng loại, tiến độ mua vật tư theo nhu cầu sản xuất;
 - ✓ Quản lý các nhà thầu phụ;
 - ✓ Quản lý điều hành kiểm tra đôn đốc tiến độ sản xuất theo kế hoạch;
 - ✓ Quản lý và theo dõi các dự án án thầu trong nước, báo cáo giám đốc khả năng tham gia; Lập quản lý hồ sơ đấu thầu. Cử người tham gia các dự án thầu trong nước theo quyết định của Giám đốc; Làm hồ sơ thanh toán, theo dõi tiến độ thanh toán của các hợp đồng thầu; Theo dõi các dự án thầu cho đến khi kết thúc;
- ❖ Quản lý hoạt động xuất nhập vật tư, bán thành phẩm cho sản xuất và gia công;
- ❖ Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất theo chỉ thị của Giám đốc trong Công ty;

- ❖ Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất;
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình.

Phòng XNK-Quan hệ quốc tế

Chức năng:

Tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác quan hệ quốc tế về thị trường nước ngoài, công tác xuất nhập khẩu vật tư, sản phẩm, quan hệ đối ngoại, biên phiên dịch.

Nhiệm vụ

- ❖ Theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến thị trường kim loại (LME) của thế giới và của Trung Quốc. Báo cáo kịp thời Giám đốc để quyết định giá nhập tốt nhất phục vụ cho sản xuất và kinh doanh;
- ❖ Theo dõi, cân đối và cung ứng đầy đủ kịp thời các loại vật tư chính và phụ, thiết bị phụ tùng phải nhập khẩu nước ngoài theo hợp đồng. Soạn thảo, thương thảo đàm phán triển khai thực hiện các hợp đồng nhập khẩu vật tư, thiết bị máy móc...;
- ❖ Soạn thảo, thương thảo đàm phán triển khai thực hiện các hợp đồng xuất khẩu sản phẩm của Công ty từ khâu đầu đến khâu thanh toán. Phối hợp chặt chẽ với phòng tài chính kế toán để triển khai thanh toán các lô hàng xuất nhập khẩu. Tìm hiểu mở rộng thị trường nước ngoài để xuất khẩu các sản phẩm của Công ty;
- ❖ Xây dựng chiến lược tìm kiếm thị trường xuất khẩu;
- ❖ Hỗ trợ bộ phận dự án làm hồ sơ thầu quốc tế. Soạn thảo, thương thảo đàm phán các hợp đồng trong nước có nguồn vốn nước ngoài (hợp đồng tiếng anh) từ khâu đầu đến khâu thanh toán. Phối hợp chặt chẽ với phòng tài vụ để triển khai thanh toán các lô hàng xuất nhập khẩu. Tìm hiểu mở rộng thị trường nước ngoài để xuất khẩu các sản phẩm của Công ty;
- ❖ Lập kế hoạch giao và nhận hàng cụ thể khi có vật tư nhập về và sản phẩm xuất đi;
- ❖ Lập kế hoạch khảo sát thị trường nước ngoài, xác định thị trường mục tiêu của Công ty ở nước ngoài. Thực hiện việc khuyến khích xúc tiến giới thiệu sản phẩm, bán hàng qua các dự án, thương mại điện tử, website, hội trợ triển lãm nước ngoài. Nghiên cứu báo cáo lãnh đạo về các tập quán, pháp luật, quy định XNK, thông lệ thương mại quốc tế thế giới;
- ❖ Làm công tác quan hệ đối ngoại, phiên dịch, biên dịch tài liệu;
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình.

Ban quản lý dự án

Chức năng: Giúp Tổng giám đốc triển khai công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng và di chuyển nhà máy đúng quy định của nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản

Nhiệm vụ:

- ❖ Liên hệ với các cơ quan chức năng, với địa phương để triển khai các công việc liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng như: điện, nước, đường vào Công ty... theo quy hoạch tổng mặt bằng đã được phê duyệt...;
- ❖ Kiểm tra giám sát các gói thầu đang thực hiện xây dựng đúng quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản;
- ❖ Tiếp tục triển khai thực hiện các gói thầu của dự án đầu tư di chuyển và xây dựng nhà máy sản xuất dây và cáp điện tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên Hà Nội;
- ❖ Thực hiện công tác di dời cơ sở sản xuất tại 41 Phương Liệt, phường Phương Liệt quận Thanh Xuân Hà Nội sang địa điểm được cấp tại phường Phúc Lợi quận Long Biên Hà Nội và công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất 41 phố Phương Liệt, phường Phương Liệt quận Thanh Xuân Hà Nội khi nhà máy chuyển đi;
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình.

Các đơn vị sản xuất: gồm Xí nghiệp đúc kéo dây đồng; Xí nghiệp cáp động lực; Xí nghiệp dây điện dân dụng

Chức năng: Là các đơn vị sản xuất được tổ chức theo mô hình, xí nghiệp phụ thuộc.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh theo giấy phép kinh doanh của Công ty. Số lượng các đơn vị sản xuất do Hội đồng quản trị Công ty quyết định hàng năm theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;

Nhiệm vụ:

- ❖ Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất trên cơ sở các lệnh sản xuất của phòng kinh tế kế hoạch và điều độ đưa xuống. Chỉ đạo sản xuất theo đúng định mức vật tư, định mức lao động và các chi phí khác do Công ty ban hành. Đảm bảo sản xuất các sản phẩm đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn trong bản đặc tính kỹ thuật của phòng kỹ thuật ban hành;
- ❖ Tổ chức công tác quản lý thiết bị, lao động, vật tư, kỹ thuật chất lượng sản phẩm, thanh quyết toán vật tư theo quy định hiện hành của Công ty;
- ❖ Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình và hướng dẫn có liên quan trong hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 – TQM của Công ty tại đơn vị mình;
- ❖ Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất;
- ❖ Triển khai thực hiện tốt các quy chế, quy định về quản lý kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động quản lý kinh tế, tài chính, các nội quy, quy chế của công ty ban hành theo nguyên tắc đảm bảo công bằng, đoàn kết, hợp tác hỗ trợ lẫn nhau giữa các đơn vị sản xuất và ưu tiên cho người làm ra sản phẩm;
- ❖ Thực hiện tốt các quy định về vệ sinh công nghiệp bảo đảm hàng ngày toàn bộ thiết bị sản xuất của đơn vị và môi trường làm việc xung quanh luôn sạch sẽ và gọn gàng;
- ❖ Xây dựng quy chế lương, kỷ luật, khen thưởng của đơn vị kịp thời nhằm động viên người lao động nhiệt tình trong công việc, không vi phạm nội quy, quy định.

Xí nghiệp sửa chữa cơ điện:

Chức năng: phục vụ các xí nghiệp sản xuất và các bộ phận phòng ban trong công ty

Nhiệm vụ:

- Sửa chữa các thiết bị, máy móc
- Bảo trì các thiết bị máy móc
- Vận hành máy phát điện

5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại thời điểm 10/06/2014

Nhà nước là một cổ đông lớn của Trần Phú, nắm giữ 5.096.000 cổ phiếu, tương đương với 65% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty.

Tại thời điểm 10/06/2014, danh sách cổ đông lớn của Trần Phú gồm:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội	79 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	5.096.000	65%
2	Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Vật liệu 573	4B Ngô Quyền, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	991.760	12,65%

5.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/06/2014

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/06/2014

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước	1	5.096.000	65,0%
Trong nước, trong đó:	236	2.744.000	35,0%
Cá nhân	233	1.262.240	16,1%
Tổ chức	3	1.481.760	18,9%
Nước ngoài	0	0	0,0%
Tổng cộng	237	7.840.000	100,0%

5.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có.

6. DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN QUAN

6.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành:

Không có

6.2. Công ty con của Tổ chức phát hành:

Không có

6.3. Danh sách công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có

6.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Nhà nước là cổ đông lớn của Trần Phú, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Trần Phú

6.5. Danh sách các công ty liên kết của Tổ chức phát hành (31/12/2013)

TT	Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Dây và Ống đồng Trần Phú	Hà Nội	40,88%	Sản xuất và kinh doanh dây và ống đồng các loại
2	Công ty Cổ phần Dây và Phích cắm Trần Phú	Hà Nội	40,66%	Sản xuất và kinh doanh dây, cáp điện và các loại thiết bị phụ tùng phục vụ ngành điện và chiếu sáng

7. QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Từ khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (22/02/2010) đến nay, Trần Phú đã thực hiện một đợt tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, thông tin như sau:

- | | |
|---|----------------------------------|
| • Cổ phiếu phát hành: | Cổ phiếu phổ thông |
| • Hình thức phát hành: | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức |
| • Số lượng CP trước thời điểm phát hành | 5.600.000 cổ phiếu |
| • Số cổ phiếu dự kiến phát hành: | 2.240.000 cổ phiếu |
| • Nguồn tăng vốn: | Lợi nhuận của công ty |

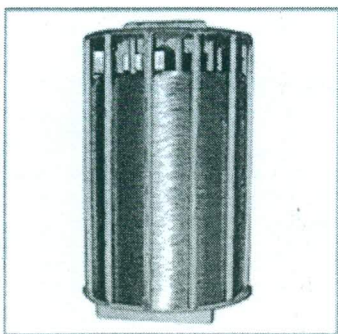
- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 25/03/2014
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 10:4
- Giá phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đ
- Ngày phát hành: 25/04/2014 đến 15/05/2014
- Kết quả phát hành: số lượng CP đã phân phối 2.240.000 cổ phần
- Số cổ đông được phân phối: 247
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 78.400.000.000 đ
- Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: Ngày 15/05/2014 hoàn thành, ngày 20/05/2014 Báo cáo UBCKNN.

8. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8.1. Sản phẩm kinh doanh chính

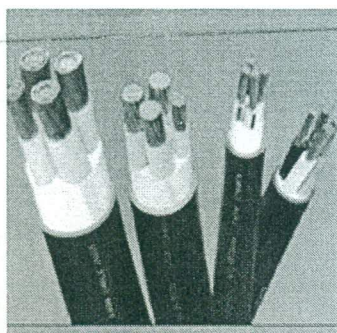
Trong hơn 20 năm trở lại đây, tên tuổi của Trần Phú gắn liền với những loại dây và cáp điện, thanh cái, dây dẹp, ống đồng, đầu cốt,... phục vụ cho ngành năng lượng, công nghiệp, và các ngành kinh tế quốc dân. Các sản phẩm chính hiện Công ty đang sản xuất bao gồm:

1. Dây đồng tròn kỹ thuật điện



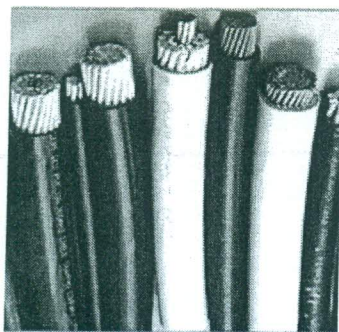
Đây là sản phẩm được sản xuất từ đồng tấm cathode có độ sạch cao ($Cu \geq 99,97\%$) trên hệ thống đúc công nghệ cao của hãng OUTOKUMPU của Phần Lan và dây chuyên kéo ủ liên tục của hãng HENRICH cộng hoà liên bang Đức với tiêu chuẩn TCVN 5922-1995.

2. Cáp đồng trần, bọc nhựa PVC, XPLE



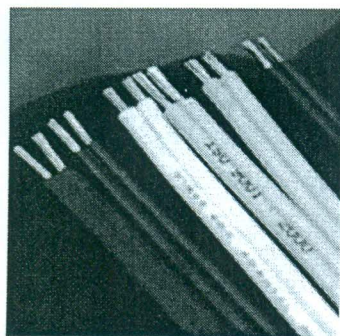
Sản phẩm có ruột dẫn là kim loại đồng mềm, với số ruột dẫn giao động từ 2 đến 4, mặt cắt danh định từ 5 đến 50 mm². Dây dùng cho dẫn điện từ đường dây và đồng hồ điện của các hộ tiêu thụ, có lớp giáp kim loại chống lấy trộm điện.

4. Cáp nhôm trần, bọc nhựa PVC, XPLE



Sản phẩm dây cáp nhôm hoặc đồng trần được bọc nhựa PVC, XPLE với một ruột dẫn có mặt cắt tối đa 400 mm². Dây cáp dùng trong việc cấp điện áp trọng tải dưới 3KV và có nhiệt độ làm việc dưới 90°C.

5. Dây điện dân dụng



Dây điện có ruột dẫn đồng mềm nhiều sợi xoắn. Số lượng ruột dẫn giao động từ 1 đến 5 ruột với mặt cắt tối đa 10 mm². Sản phẩm dùng trong dẫn điện cho các mạng điện trong nhà, đồ gia dụng loại nhỏ với cấp điện áp nhỏ hơn 1KV.

8.2. Giá trị sản phẩm sản xuất và tiêu thụ qua các năm

Bảng 4: Cơ cấu sản phẩm sản xuất và tiêu thụ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2012		2013		9T/2014	
		Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng
Sản lượng sản xuất	Tấn	5.552,98	100%	5.318,53	100%	4.099,48	100%
Dây đồng tròn kỹ thuật điện	Tấn	1.339,41	24%	619,11	12%	388,9	9%
Cáp đồng trần, bọc nhựa PVC, XLPE	Tấn	749,07	13%	564,47	11%	494,43	12%
Cáp nhôm trần, bọc nhựa PVC, XLPE	Tấn	478,29	9%	494,11	9%	22,25	1%
Dây điện dân dụng	Tấn	2.986,22	54%	3.640,84	68%	3.193,89	78%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	5.267,7	100%	5.323,68	100%	3.951,96	100%
Sản phẩm sản xuất	Tấn	5.233,63	99%	5.218,84	98%	3.951,85	100%
Dây đồng tròn kỹ thuật điện	Tấn	964,94	18%	597,59	11%	335,21	8%
Cáp đồng trần, bọc nhựa PVC, XLPE	Tấn	749,95	14%	523,23	10%	474,78	12%
Cáp nhôm trần, bọc nhựa PVC, XLPE	Tấn	529,01	10%	501,36	9%	27,67	1%
Dây điện dân dụng	Tấn	2.989,73	57%	3.596,66	68%	3.114,20	79%



Chỉ tiêu	Đơn vị	2012		2013		9T/2014	
		Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng
Sản phẩm thương mại	Tấn	34,08	1%	104,84	2%	0,11	0%
Dây đồng tròn kỹ thuật điện	Tấn	26,27	1%	101,08	2%		
Cáp đồng trần, bọc nhựa PVC, XLPE	Tấn	7,02		3,36		0,11	
Cáp nhôm trần, bọc nhựa PVC, XLPE	Tấn			0,26			
Dây điện dân dụng	Tấn	0,78		0,15			

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		9T/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A. Doanh thu thuần	1.271.270.445.513	100%	1.119.943.616.101	100%	891.323.254.234	100%
Dây đồng tròn kỹ thuật điện	283.044.208.536	22%	107.917.205.500	10%	52.956.797.000	6%
Cáp đồng trần, bọc nhựa PVC, XLPE	159.287.010.717	13%	115.194.565.165	10%	101.779.301.667	11%
Cáp nhôm trần, bọc nhựa PVC, XLPE	36.015.573.571	3%	6.197.374.477	1%	375.646.630	0,69%
Dây điện dân dụng	792.712.070.954	62%	886.413.096.234	79%	733.406.714.966	82%
Sản phẩm khác (vật tư, phế liệu....)	211.581.735	0,02%	4.221.374.725	0,38%	2.804.793.971	0,31%
B. Giá vốn	1.127.462.932.993	100%	992.585.903.166	100%	802.062.143.593	100%
Dây đồng tròn kỹ thuật điện	281.155.142.331	25%	106.125.431.333	11%	51.368.093.090	6,4%
Cáp đồng trần, bọc nhựa PVC, XLPE	151.636.492.899	13%	106.630.540.684	11%	98.014.638.490	12,2%



Chỉ tiêu	2012		2013		9T/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cáp nhôm trần, bọc nhựa PVC, XLPE	36.608.402.844	3%	8.862.546.800	1%	366.646.630	0,0%
Dây điện dân dụng	657.618.720.250	58%	766.283.953.179	77%	649.283.587.895	81,0%
Sản phẩm khác (vật tư, phế liệu....)	444.174.669	0,04%	4.683.431.170	0,47%	3.029.177.488	0,4%
C. Lợi nhuận gộp	143.807.512.520	100%	127.357.712.935	100%	89.261.110.641	100%
Dây đồng tròn kỹ thuật điện	1.889.066.205	1%	1.791.774.167	1%	1.588.703.910	1,8%
Cáp đồng trần, bọc nhựa PVC, XLPE	7.650.517.818	5%	8.564.024.481	7%	3.764.663.177	4,2%
Cáp nhôm trần, bọc nhựa PVC, XLPE	(592.829.273)	(0,41%)	(2.665.172.323)	(2%)	9.000.000	0,0%
Dây điện dân dụng	135.093.350.704	94%	120.129.143.055	94%	84.123.127.071	94,2%
Sản phẩm khác (vật tư, phế liệu....)	(232.592.934)	(0,16%)	(462.056.445)	(0,36%)	-224.383.517	-0,3%

Nguồn: Trafuco

8.3. Nguyên liệu đầu vào

Trần Phú là một công ty sản xuất nên chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá cao, khoảng 75-80% tổng chi phí sản xuất của Công ty. Để đảm bảo nguồn cung ổn định, Trần Phú mua nguyên vật liệu từ nhiều nhà cung cấp cả trong và ngoài nước.

Các nguyên vật liệu chính sử dụng trong sản xuất sản phẩm của Công ty bao gồm:

- Đồng tấm, đồng dây phi 8
- Nhôm thỏi, nhôm dây phi 9
- Nhựa PVC, XLPE
- Lõi C

Ngoài ra, Công ty sử dụng các nguyên liệu phụ như: mỡ, băng vải, băng thép, sợi độn PVC, màng co PVC...

Số lượng nguyên vật liệu cần dùng trong sản xuất luôn được Trần Phú dự tính theo từng năm căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Từ đó, kế hoạch được chia nhỏ thành từng tháng để lên kế hoạch về vốn, mua vật tư hàng hóa. Các hợp đồng mua hàng dài hạn được ký kết theo từng quý dựa trên kết quả kinh doanh và tình hình thị trường. Kho hàng cũng như kho nguyên vật liệu luôn được Công ty cập nhật, giám sát và kiểm soát chặt chẽ. Nhập hàng và giao hàng đều phải có mặt 4 bên (thủ kho, bảo vệ, xí nghiệp sản xuất, khách hàng) và thủ kho quản lý chịu trách nhiệm, kiểm tra hàng trong kho.

Trước năm 2013, công ty BHP Billiton Marketing AG (BHP) là một trong những nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu của Trần Phú. Riêng năm 2012, hợp đồng với BHP chiếm khoảng 75% tổng chi phí mua bán nguyên vật liệu chính. Từ năm 2013 trở lại đây, Công ty đẩy mạnh hợp tác với các nhà phân phối trong nước, lượng giao dịch với các doanh nghiệp nước ngoài giảm bớt. Hiện nay, Công ty Cổ phần Trường Phú là nhà cung cấp lớn nhất của Công ty, cung cấp khoảng 72% tổng nhu cầu nguyên vật liệu sản xuất. Điều này phần nào giúp cho rủi ro về tỷ giá của Trần Phú giảm thiểu. Ngoài ra, Trần Phú vẫn tiếp tục nhập các nguyên vật liệu từ các công ty trong nước khác như: Công ty Cổ phần Công thương Đông Phương, Công ty TNHH Vinacompound, Công ty Cổ phần SNC...

Các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu hiện tại đều có chế tài phạt cho việc giao hàng chậm, kém chất lượng, hoặc không giao hàng đầy đủ. Tuy nhiên, những nhà cung cấp hiện tại đều là những đối tác đã có lịch sử làm việc lâu dài với nguồn hàng ổn định trong nhiều năm liền. Trong những thời điểm khó khăn và bất ổn của giá thành, các đối tác cũng luôn đảm bảo uy tín và giao hàng đúng như hợp đồng được ký kết. Dự kiến trong

những năm tới, thị trường nguyên vật liệu sẽ mở rộng và đủ khả năng đáp ứng nhu cầu của Trần Phú nói riêng cũng như thị trường nói chung.

Giá nguyên vật liệu gắn liền với sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên giá cả còn phụ thuộc vào động thái mua vào hoặc bán ra của các thị trường lớn, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Vì vậy giá thành nguyên vật liệu là yếu tố khó dự đoán có thể gây ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

8.4. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu chi phí của Công ty mang đặc trưng của công ty sản xuất thiết bị, với giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao, trung bình chiếm tới 90% doanh thu thuần. Các chi phí khác chiếm dưới 10%. Năm 2013 có sự tăng đột biến trong chi phí bán hàng và chi phí quản lý. Thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, nhiều đối thủ đưa ra các chính sách cạnh tranh không bình đẳng gây bất lợi cho hoạt động tiêu thụ hàng hóa của Công ty, do vậy Công ty đã phải thúc đẩy việc quảng bá thương hiệu, đưa ra các chính sách hỗ trợ thị trường, hỗ trợ hệ thống phân phối nhằm ổn định và phát triển thị trường. Khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng tài chính đã làm cho một số các doanh nghiệp trong nước rơi vào tình trạng khó khăn. Do chính sách thắt chặt tín dụng, nhiều doanh nghiệp không tiếp cận được vốn để tiếp tục duy trì sản xuất. Đó là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến một số khách hàng của Công ty đã không trụ vững để tiếp tục duy trì sản xuất và thanh toán các khoản nợ đúng hạn. Do vậy, Công ty đã phải trích lập các khoản dự phòng để đảm bảo an toàn về vốn. Điều này làm tăng đáng kể chi phí quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, Trần Phú bổ sung thêm nhân sự để đáp ứng các hoạt động của công ty đại chúng, thêm vào đó là giá cả dịch vụ cũng như đơn giá lương của nhà nước tăng, vì vậy chi phí tiền lương của Công ty cũng tăng theo.

Bảng 6: Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2012	Tỷ trọng	2013	Tỷ trọng	Q3/2014	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	1.127.462.932.993	92%	992.585.903.166	89%	802.062.143.593	92%
Chi phí tài chính	57.003.470.214	5%	56.700.692.472	5%	13.030.143.333	1%
Chi phí bán hàng	16.539.606.859	1%	25.300.583.833	2%	29.348.302.877	3%
Chi phí quản lý	21.582.092.557	2%	39.703.799.009	4%	28.661.019.773	3%
Chi phí khác	168.906.467	0%	11.104.819	0%	41.556.533	0%
Tổng cộng	1.222.757.009.090	100%	1.114.302.083.299	100%	873.143.166.109	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 -2013, BCTC quý 3/2014

8.5. Trình độ công nghệ

Hệ thống máy móc của Công ty đều được nhập ngoại với thời gian khấu hao trung bình là 10 năm. Thiết bị được nhập chủ yếu từ Trung Quốc, ngoài ra còn nhập từ Đức, Áo, và Đài Loan. Ngoài việc sửa chữa và bảo trì máy móc, trong những năm gần đây, Công ty đều mua bổ sung máy mới để đáp ứng nhu cầu và chất lượng sản phẩm.

Bảng 7: Máy móc thiết bị chuyên dùng của Công ty

Tên thiết bị	Số lượng (chiếc)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm mua
Lò đúc đồng	1	Phân Lan	2001	2001
Lò đúc đồng	1	Trung Quốc	1994	1994
Máy kéo dây nhôm phi 9-2,1	1	Đức	2002	2002
Máy bọc 80mm Rosendal	1	Áo	2003	2003
Máy kéo đại M81	1	Đức	2003	2003
Máy bện khung cứng 61 sợi	1	Trung Quốc	2003	2003
Máy hàn lạnh	1	Trung Quốc	2003	2003
Máy in phun mực đen Wiedenbach (máy bọc 80 áo)	1	Trung Quốc	2003	2003
Máy kéo trung 16 đầu dây	1	Italia	2004	2004
Máy bện xoắn kép 630 (2M)	2	Đức	2004	2004
Máy bện xoắn kép 800	1	Italia	2004	2004
Hệ máy cán nhôm liên tục	1	Trung Quốc	2005	2005
Máy bao gói Đài Loan P100	1	Đài Loan	2005	2005
Máy bao gói Đài Loan P120	1	Đài Loan	2005	2005
Đầu bọc máy 700	10	Trung Quốc	2009	2009
Máy kéo 8 đường Henrich (Đình Trám)	1	Đức	2009	2009
DC Máy bọc 80 + Bộ thu bin 630	2	Trung Quốc	2009	2009
DC Máy bọc 80 + Hệ thống tự động đóng cuộn	2	Trung Quốc	2009	2009
Máy kéo 8 đường Niehoff (phích cắm) (Đình Trám)	1	Đức	2009	2009
Máy đóng gói tự động (Đình Trám)	1	Trung Quốc	2009	2009
Máy bọc phi 100	1	Trung Quốc	2009	2009

Tên thiết bị	Số lượng (chiếc)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm mua
Máy xoắn 4 ruột	1	Trung Quốc	2000	2010
Máy bện ống 400	1	Trung Quốc	2000	2010
Dây chuyền quần băng bảo vệ cáp	1	Trung Quốc	2011	2011
Máy bện 37 sợi khung cứng	1	Trung Quốc	2011	2011
Máy bọc 150	1	Trung Quốc	2011	2011
Nâng cấp cải tạo máy bọc PVC phi 120	1	Trung Quốc	2013	2013
Nâng cấp máy bọc XLPE phi 90	1	Trung Quốc	2013	2013
Nâng cấp máy bện xoắn 4 ruột	1	Trung Quốc	2013	2013
Máy in phun công nghiệp Willett 43s - Mực đen	1	Trung Quốc	2013	2013

Việc đổi mới và tu sửa hệ thống thiết bị liên tục đóng góp lớn vào năng lực sản xuất của Công ty. So với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường, hệ thống máy móc của Trần Phú được đánh giá là hiện đại và cập nhật hơn hẳn.

8.6. Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính trong các năm gần đây

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	Q3/2014
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,79%	11,31%	11,37%	10,01%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	57.871.594.159	52.073.600.549	7.268.853.717	21.535.219.587
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	43.677.313.061	38.950.714.841	5.396.730.232	16.757.240.317
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,38%	3,06%	0,48%	1,88%
ROA	7,28%	7,76%	1,57%	5,03%
ROE	42,23%	27,75%	3,87%	10,72%

Năm 2013, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Trần Phú tương đối khả quan. Tuy nhiên, trong năm 2013, phần vốn đầu tư của Trần Phú tại Công ty cổ phần dây và ống đồng Trần Phú không đạt hiệu quả. Theo Báo cáo tài chính năm 2013, công ty này lỗ 127 tỷ đồng, làm âm vốn chủ sở hữu. Vì vậy, Trafuco đã tiến hành trích lập dự phòng giảm

giá khoản đầu tư vào Công ty cổ phần dây và ống đồng Trần Phú 32,1 tỷ đồng, làm chi phí quản lý tăng tới 84% so với năm trước.

Sản phẩm dây đồng mềm và dây cáp điện các loại cũng đang trong tình trạng cạnh tranh khốc liệt về giá cả và thị trường. Trước sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty phải đầu tư nhiều hơn cho việc quảng bá sản phẩm để đảm bảo được sản lượng tiêu thụ và giữ khách hàng, dẫn đến chi phí bán hàng năm 2013 tăng cao (tăng 53% so với năm 2012). Cùng với khoản trích lập dự phòng làm tăng chi phí quản lý nêu trên, chi phí bán hàng tăng dẫn tới lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Trần Phú giảm 33,5 tỷ đồng so với năm 2012.

8.7. Hoạt động marketing

Trần Phú là một trong những thương hiệu đầu tiên trong ngành sản xuất cáp điện có lịch sử lâu đời và được biết đến trên thị trường. Là một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Công ty đã nhận được nhiều giải thưởng như Cúp vàng châu Âu về chất lượng và nhiều lần được vinh danh Hàng Việt Nam chất lượng cao. Để củng cố cũng như đẩy mạnh phát triển thương hiệu, với chủ trương lấy trọng điểm là miền Bắc và dần mở rộng ra các khu vực khác, Công ty đang triển khai áp dụng những hoạt động marketing như:

- Xây dựng và phát triển website www.tranphucable.com.vn
- Phát triển quảng bá trên các mạng xã hội
- Tham gia các hội chợ triển lãm hàng hóa trong và ngoài nước
- Đẩy mạnh truyền thông về sản phẩm của Công ty qua đài truyền hình, báo điện tử, đài phát thanh, báo viết, pano, áp phích,... và tăng cường tiếp thị qua các kênh phân phối, các dự án.

Bên cạnh đó, Công ty dự định tăng cường chính sách bán hàng, chăm sóc khách hàng để củng cố niềm tin vào sản phẩm cáp điện Trần Phú trên thị trường.

8.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu Trần Phú của công ty đã được đăng ký và bảo hộ bởi Cục sở hữu trí tuệ thuộc bộ Khoa học và Công nghệ.



Bảng 9: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

TT	Tên, nội dung văn bản	Nơi cấp	Ngày cấp	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 40989	Cục sở hữu trí tuệ	03/05/2002	Hiệu lực 10 năm (đã gia hạn đến 22/12/2020)
2	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 85723	Cục sở hữu trí tuệ	10/08/2007	Hiệu lực 10 năm (có thể gia hạn)
3	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 173420	Cục sở hữu trí tuệ	11/10/2011	Hiệu lực 10 năm (có thể gia hạn)

8.9. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Các hợp đồng lớn đang thực hiện

STT	Số Hợp đồng	Ngày	Đối tác	Sản phẩm	Trị giá	Thời gian thực hiện
1	01/TTSP/LC-CĐTP	1/1/2014	Công ty TNHH thiết bị điện Linh Chi	Dây cáp điện	Hợp đồng Nhà phân phối cấp I năm 2014	Hiệu lực hết 31/12/2014
2	02/TTSP/LC-CĐTP	1/1/2014	Công ty TNHH thiết bị điện vật tư Tuấn Dũng	Dây cáp điện	Hợp đồng Nhà phân phối cấp I năm 2014	Hiệu lực hết 31/12/2014
3	35-6/BH-ĐTP.VLDHN	24/12/2013	Công ty TNHH vật liệu điện Hà Nội	Dây cáp điện	69.042.039.000	Hiệu lực hết 31/12/2014
4	04/TTSP/LC-CĐTP	1/1/2014	Công ty TNHH TM Phương Dung	Dây cáp điện	Hợp đồng Nhà phân phối cấp I năm 2014	Hiệu lực hết 31/12/2014
5	05/TTSP/LC-CĐTP	1/1/2014	Công ty TNHH thiết bị điện Thúy Hồng	Dây cáp điện	Hợp đồng Nhà phân phối cấp I năm 2014	Hiệu lực hết 31/12/2014
6	13/TTSP/LC-CĐTP	1/1/2014	Công ty TNHH thiết bị điện vật tư Tuấn Dũng	Dây cáp điện	Hợp đồng Nhà phân phối cấp I năm 2014	Hiệu lực hết 31/12/2014
7	02/TTSP/LC-CĐTP	1/1/2014	Công ty TNHH thiết bị điện vật tư Tuấn Dũng	Dây cáp điện	Hợp đồng Nhà phân phối cấp I năm 2014	Hiệu lực hết 31/12/2014
8	01-4/2014/HĐKT/TGP-TP	8/1/2014	Công ty cổ phần Trường	Đồng tám	900 tấn đồng tám/tháng. Chốt giá	Hiệu lực kể từ ngày ký đến

STT	Số Hợp đồng	Ngày	Đối tác	Sản phẩm	Trị giá	Thời gian thực hiện
			Phú	cathodes	theo từng tháng	31/1/2015
9	1-14/HĐMH/CĐTP-TP	24/10/2014	Công ty cổ phần Trường Phú	Đồng tấm cathodes	8.525.000.000	Hiệu lực kể từ ngày ký đến 30/11/2014
10	112/ HĐMH/CĐTP-TP	3/10/2014	Công ty cổ phần Trường Phú	Đồng tấm cathodes	8.525.000.000	Hiệu lực kể từ ngày ký đến 15/11/2014
11	05.13/MH.TP-VCP	29/8/2014	Công ty TNHH Vinacompound	Hạt nhựa PVC	6.424.000.000	Hiệu lực đến 30/12/2014
12	05.15/MH.TP-VCP	6/10/2014	Công ty TNHH Vinacompound	Hạt nhựa PVC	6.314.000.000	Hiệu lực đến 30/12/2014
13	05.18/MH.TP-VCP	3/11/2014	Công ty TNHH Vinacompound	Hạt nhựa PVC	6.248.000.000	Hiệu lực đến 31/1/2015
14	15.6/MH.TP-SNC	3/10/2014	Công ty cổ phần SNC	Hạt nhựa PVC	3.091.000.000	Hiệu lực đến 30/12/2014
15	15.7/MH.TP-SNC	3/11/2014	Công ty cổ phần SNC	Hạt nhựa PVC	3.058.000.000	Hiệu lực đến 31/1/2015



STT	Số Hợp đồng	Ngày	Đối tác	Sản phẩm	Trị giá	Thời gian thực hiện
16	09-6MH.CĐTP-TT	17/9/2014	Công ty TNHH SX và TM Trọng Thành	Hạt nhựa PVC	6.424.000.000	Hiệu lực đến 30/12/2014
17	09-7/MH.CĐTP-TT	21/10/2014	Công ty TNHH SX và TM Trọng Thành	Hạt nhựa PVC	6.314.000.000	Hiệu lực đến 31/1/2015
18	12.9/HĐMH/CĐTP-ĐP	16/10/2014	Công ty cổ phần công thương Đông Phương	Dây đồng trần phi 8	8.800.000.000	Hiệu lực đến 30/11/2014

9. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Bảng 11: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% thay đổi	30/09/ 2014
Tổng giá trị tài sản	502.262.877.872	344.205.912.031	-31%	332.944.111.363
Doanh thu thuần	1.271.270.445.413	1.119.943.616.101	-12%	891.323.254.234
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.014.474.777	7.259.947.710	-86%	21.202.915.787
Lợi nhuận khác	59.125.772	8.906.007	-85%	332.303.800
Lợi nhuận trước thuế	52.073.600.549	7.268.853.717	-86%	21.535.219.587
Lợi nhuận sau thuế	38.950.714.841	5.396.730.232	-86%	16.757.240.317
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	21,5%	0%	-21,5%	N/a

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC 30/09/2014

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo

Thuận lợi:

- Công ty có lịch sử phát triển lâu dài và thương hiệu Trần Phú đã được thị trường biết đến trong nhiều năm về uy tín và chất lượng.
- Trần Phú là doanh nghiệp có phần vốn Nhà nước chi phối nên việc tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ gặp thuận lợi, các điều kiện cho vay không quá khắt khe.
- Mạng lưới khách hàng thường xuyên và rộng khắp. Trần Phú duy trì được mối quan hệ tốt với nhiều khách hàng, nhà cung cấp thường xuyên.
- Được UBND thành phố cùng các sở ban ngành quan tâm tạo điều kiện trong hoạt động.
- Hệ thống máy móc của Trần Phú luôn được đổi mới để phù hợp với công nghệ và yêu cầu thị trường.
- Ban lãnh đạo là những người tâm huyết, giàu kinh nghiệm đã gắn bó lâu dài với Công ty.

Khó khăn:

- Mặc dù là công ty cổ phần hoạt động theo cơ chế thị trường nhưng do có phần vốn nhà nước chi phối nên phần nào đã hạn chế năng lực cạnh tranh, giảm tính chủ

động trong các hoạt động kinh doanh khi có cơ hội bởi sự ràng buộc các quy định của nhà nước, của chủ sở hữu phần vốn Nhà nước.

- Tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn gặp nhiều khó khăn. Sự bất ổn của nền kinh tế vĩ mô dẫn đến nhu cầu giám sát ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Yếu tố bất ổn còn làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp của Trần Phú tăng cao.
- Giá vật tư chủ yếu cho sản xuất dây và cáp điện biến động phức tạp.
- Thị trường bất động sản suy thoái cũng làm ảnh hưởng lớn tới nhu cầu dây cáp điện trong khi xuất hiện nhiều đối thủ và tính cạnh tranh thị trường ngày càng cao.
- Các khoản đầu tư ra bên ngoài của Công ty chưa mang lại hiệu quả tốt.

10. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trần Phú tự hào là một trong những doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện đầu tiên tại Việt Nam với 30 năm lịch sử hoạt động. Thương hiệu và logo Trần Phú từ nhiều năm đã được biết đến và tạo được uy tín trong ngành sản xuất dây cáp điện. Sản phẩm dây cáp điện của Trần Phú luôn được đánh giá cao và xuất hiện ở nhiều công trình lớn. Công ty thường xuyên lọt vào trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam cũng như một trong những đơn vị đóng góp thuế nhiều nhất cho thành phố Hà Nội. Ngoài những danh hiệu được trao tặng trong nước, Trần Phú còn nhận được các danh hiệu từ ngoài nước như cúp vàng Châu Âu về chất lượng.

Trong quá trình hoạt động, Trần Phú luôn đi đầu trong việc tìm hiểu, quan tâm và đầu tư công nghệ để đạt hiệu quả cao trong sản xuất. Hệ thống dây chuyền sản xuất nhập từ Châu Âu của Công ty là những thiết bị có công nghệ hàng đầu đối với ngành dây-cáp điện hiện nay. Với việc tập trung đầu tư công nghệ đúng hướng, sản phẩm Trần Phú luôn đảm bảo được sự cạnh tranh trong các công trình lớn. Hiện nay, dây điện dân dụng nhiều sơi của Trần Phú là sản phẩm dẫn đầu giá cả của thị trường dây điện miền Bắc. Thị phần dây điện chiếm khoảng 30-40%, cáp điện chiếm 5% thị trường miền Bắc.

Công ty dự định tiếp tục đầu tư mạnh vào công nghệ trong những năm sắp tới, khởi đầu là dây chuyền sản xuất dây điện dân dụng với tổng mức đầu tư 63 tỷ đồng để tăng năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh trên thị trường.

10.2. Triển vọng của ngành

Là một nước đang trong giai đoạn phát triển, Việt Nam có nhu cầu sử dụng và nâng cấp mạng lưới truyền tải, phân phối năng lượng điện để cung cấp cho các hoạt động sản xuất công nghiệp. Với kế hoạch phát triển của ngành điện Việt Nam, nhu cầu về dây cáp điện được dự báo sẽ còn tăng mạnh hơn trong những năm tới. Sản lượng điện được dự tính sẽ tăng hơn 50% trong giai đoạn 2015-2020 và năm 2030 đạt hơn 700 tỷ kWh. Ngoài ra, mạng lưới điện cũng được lên kế hoạch mở rộng, với mục tiêu đến năm 2020 hầu hết các

hộ ở vùng xa có điện. Các nguồn điện mới cũng được đưa vào nghiên cứu. Việc sản xuất và truyền tải điện từ gió được đẩy mạnh phát triển với mục tiêu đạt tỉ trọng gấp 3 lần hiện nay. Thị trường điện xuất khẩu cũng đang được xem xét triển khai. Đây là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện nói chung và sản xuất dây cáp truyền tải điện nói riêng tại Việt Nam.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành

Dự án đầu tư “Xây dựng di chuyển nhà máy sản xuất dây cáp điện” của Công ty được phê duyệt thông qua là một bước đi chiến lược để mở rộng quy mô năng lực sản xuất trong dài hạn. Sau khi được hoàn thành, dự án sẽ bổ sung năng lực sản xuất một cách lâu dài và ổn định để Công ty có thể đón đầu sự phát triển của ngành.

Nhà máy mới có diện tích lớn hơn sẽ tạo điều kiện cho Trần Phú có khả năng nhập những dây chuyền máy móc mới để tăng cường chất lượng và sản lượng, bắt kịp công nghệ hiện đại trên thế giới và tham gia vào những gói thầu quốc tế.

Bên cạnh việc tăng nội lực sản xuất, Công ty cũng tích cực quảng bá thương hiệu Trần Phú, tăng cường quan hệ với các khách hàng, đối tác quen thuộc. Bên cạnh thị trường miền Bắc, Công ty dự định phát triển thị phần sản xuất dây cáp điện vào miền Trung và miền Nam.

Định hướng của Trần Phú hoàn toàn phù hợp với chính sách và đường lối của nhà nước và sự vận động thay đổi của ngành cung cấp dây cáp và thiết bị điện.

11. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

11.1. Số lượng và cơ cấu lao động

Tổng số lao động tại thời điểm 30/09/2014 của công ty là 273 người, với cơ cấu như sau:

Bảng 12: Cơ cấu lao động Công ty

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo Giới tính	273	100%
Nam	223	81,68%
Nữ	50	18,32%
Trình độ lao động	273	100%
Đại học và trên đại học	75	27,47%
Cao đẳng, trung cấp	28	10,26%
Lao động có tay nghề	170	62,27%
Lao động phổ thông	0	0%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Loại hợp đồng lao động	273	100%
Không thời hạn	265	97,07%
Có thời hạn	8	2,93%

11.2. Các chính sách đối với người lao động

Những chính sách liên quan đến chế độ làm việc, tuyển dụng, đào tạo, hợp đồng lao động, chế độ nghỉ phép, làm thêm giờ và những chính sách khác đối với người lao động được Công ty thực hiện nghiêm túc theo Luật lao động Việt Nam.

Hàng năm, Công ty tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, theo đó các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ đề cử các cán bộ tham gia để nâng cao trình độ chuyên môn theo nhu cầu của từng lĩnh vực riêng.

So với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, mức thu nhập trung bình của cán bộ công nhân viên của Trần Phú thuộc nhóm tương đối. Ngoài mức lương cơ bản, Công ty còn thực hiện đánh giá định kỳ 6 tháng/lần bình bầu các danh hiệu thi đua để thưởng khuyến khích động viên người lao động, tùy thuộc vào tình hình kết quả sản xuất kinh doanh để có mức thưởng hợp lý.

12. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Cổ tức được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Lịch sử chi trả cổ tức của Công ty trong các năm gần đây như sau

- Năm 2011: Công ty chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25% (thực hiện trong năm 2014)
- Năm 2012: Công ty chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% (thực hiện trong năm 2014)
- Năm 2013: Công ty không chia cổ tức.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, trong năm 2014, Công ty dự tính chia cổ tức với tỷ lệ 10%-12%.

Do Công ty đang trong giai đoạn đầu tư dự án nhà máy mới, việc chia cổ tức trong những năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh riêng của từng năm cũng như tiến độ dự án.

13. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

13.1.1. Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng

Bảng 13: Vốn kinh doanh qua các năm

Đơn vị: đồng

TT	Nguồn vốn	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
1	Vốn điều lệ	56.000.000.000	56.000.000.000	78.400.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	451.989.474	36.612.939.365	36.612.939.365
3	Quỹ dự phòng tài chính	903.978.948	8.597.798.074	8.597.798.074
4	Lợi nhuận chưa phân phối	83.030.624.076	38.278.766.165	32.636.006.482

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012-2013, BCTC quý 3/2014

13.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Từ tháng 06/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể, thời gian khấu hao các tài sản cố định của Công ty như sau:

Bảng 14: Thời gian khấu hao tài sản cố định

TT	Nhóm tài sản	Số năm khấu hao
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20 năm
2	Máy móc thiết bị	07-12 năm
3	Phương tiện vận tải	07 năm
4	Thiết bị văn phòng	03-05 năm
5	Phần mềm vi tính	08 năm
6	TSCĐ vô hình khác	15 năm

13.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2013 là 11.600.000 đồng/người/tháng là mức thu nhập ở nhóm cao so với các công ty trong ngành trên địa bàn.

13.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tính đến nay, Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn phải trả, không có nợ quá hạn.

13.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Doanh nghiệp luôn nộp đúng và đủ các khoản phải nộp theo luật định, không nợ đọng các khoản thuế, phí và lệ phí.

13.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm, cụ thể như sau:

Bảng 15: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013	
	%/LNST	Số trích quỹ	%/LNST	Số trích quỹ
Quỹ đầu tư phát triển	47%	15.632.612.752	75%	4.047.547.674
Quỹ dự phòng tài chính	10%	3.326.087.820	10%	539.673.023
Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,3%	3.426.087.820	10%	539.673.023

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014

12.1.7. Tình hình nợ vay

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn.

Bảng 16: Tình hình nợ vay

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/ 2012	31/12/ 2013	30/09/2014
Vay và nợ ngắn hạn	263.691.514.329	120.019.908.572	107.887.271.397
Vay và nợ dài hạn	24.220.198.015	1.734.622.819	1.734.622.819
Trong đó, nợ quá hạn	0	0	0
Tổng cộng	287.911.712.344	121.754.531.391	109.621.894.216

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC quý 3/2014

Chi tiết các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Vay và nợ ngắn hạn:

Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN Láng Hòa Lạc	11.515.484.750
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	46.728.903.166
Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Hà Đông	23.201.175.360
Huy động vốn cán bộ công nhân viên	32.954.147.300
Nợ dài hạn đến hạn trả	5.620.197.996
Tổng cộng	120.019.908.572

Vay và nợ dài hạn:

Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Hà Đông	1.000.000.019
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	734.622.800
Tổng cộng	1.734.622.819

12.1.8. Tình hình công nợ của Công ty:

Bảng 17: Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Phải thu của khách hàng	120.429.417.865	79.153.404.394	68.484.029.344
Trả trước cho người bán	1.572.137.133	1.861.235.590	2.581.068.537
Các khoản phải thu khác	2.900.606.698	4.985.605.422	4.983.505.400
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(4.028.142.760)	(17.600.228.159)	(25.370.658.776)
Tổng cộng	120.874.018.936	68.400.017.247	50.677.944.505

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC quý 3/2014

Bảng 18: Các khoản phải trả ngắn hạn

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Phải trả người bán	30.307.521.891	30.031.280.304	22.223.604.029
Người mua trả tiền trước	10.596.824.959	10.629.652.707	12.913.834.299

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.322.576.023	156.410.777	1.925.034.804
Phải trả người lao động	4.795.906.618	5.811.920.076	1.138.400.886
Chi phí phải trả	15.705.619.321	13.083.241.355	8.528.812.903
Các khoản phải trả khác	2.206.736.582	20.152.430.556	19.953.105.405
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	29.387.636	3.096.941.261	392.680.900
Tổng cộng	73.964.573.030	82.961.877.036	67.075.473.226

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC quý 3/2014

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	30/09/2014
Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	72%	59%	53%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	258 %	147 %	113%
Chỉ tiêu thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,04	0,93	1,02
Hệ số thanh toán nhanh	0,63	0,52	0,50
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	5,99	8,96	9,26
Hệ số sử dụng tài sản	2,53	3,25	2,68
Chỉ tiêu khả năng sinh lời			
LNST/ Doanh thu thuần	3,06%	0,48%	1,88%
LNST/ VCSH	27,75%	3,87%	10,72%
LNST/ Tổng tài sản	7,76%	1,57%	5,03%
Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	4,09%	0,65%	2,38%
Thu nhập trên cổ phần (đồng/CP) (EPS)	6.955	964	2.137

13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

13.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Danh sách thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại Công ty	CMTND
1	Quản Ngọc Cường	59	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	011713647
2	Nguyễn Việt Cường	42	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	011702447
3	Đào Hoài Nam	38	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	011742770
4	Nguyễn Hoàng Việt Quân	38	Ủy viên HĐQT	013063002
5	Đỗ Thị Thu Trà	39	Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng	011937080
6	Trần Thị Ngà	59	Ủy viên HĐQT- Kiêm Thư ký HĐQT	011454375
7	Trần Hải Đăng	45	Ủy viên HĐQT	012010981
8	Bạch Ngọc Du	42	Ủy viên HĐQT	111653231

Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT:

Ông Quản Ngọc Cường

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	1955
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMTND	:	011713647 Do Công An TP Hà Nội cấp ngày 31/12/2013
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hải Hưng
Địa chỉ thường trú	:	Số 8 phố Lê Ngọc Hân, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	043.6290832
Trình độ văn hóa	:	10/10

Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác	:	
10/1978	03/1984	: Giáo viên trường Sĩ quan công binh quân hàm Thượng úy
04/1984	12/1984	: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Cơ khí Trần Phú
01/1985	12/1986	: Phó quản đốc phân xưởng cơ khí
01/1987	05/1989	: Trưởng phòng kế hoạch Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng Trần Phú
06/1989	10/1991	: Quản đốc Phân xưởng cơ khí – Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng TP
11/1991	12/1993	: Quản đốc Phân xưởng Cáp nhôm – Nhà máy cơ điện Trần Phú
01/1994	06/1998	: Trưởng phòng Kỹ thuật – Nhà máy cơ điện Trần Phú
07/1998	11/2009	: Phó Giám đốc Công ty cơ điện Trần Phú
12/2009	11/2013	: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cơ điện Trần Phú
12/2013	nay	: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Cơ điện Trần Phú
Chức vụ công tác hiện nay	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	1.572.900 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 1.568.000 cổ phần - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 4.900 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Phụ cấp HĐQT kiêm nhiệm hàng tháng Tiền lương, thưởng theo quy chế lương của công ty

Những người có liên quan	:	Vợ - Nguyễn Bích Liên sở hữu 3.640 cổ phần Con - Quân Thị Liên Hương sở hữu 0 cổ phần Con - Quân Thị Hương Giang sở hữu 0 cổ phần Anh - Quân Ngọc An sở hữu 0 cổ phần Chị - Quân Thị Loan sở hữu 0 cổ phần Anh - Quân Ngọc Dương sở hữu 0 cổ phần Chị - Quân Thị Thúy sở hữu 0 cổ phần Anh - Quân Ngọc Hùng sở hữu 0 cổ phần Chị - Quân Thị Thu sở hữu 0 cổ phần
--------------------------	---	--

Ông Nguyễn Việt Cường

Giới tính	:	Nam	
Ngày tháng năm sinh	:	1972	
Nơi sinh	:	Hà Nội	
Số CMTND	:	011702447 Do Công An TP Hà Nội cấp ngày 1/3/2008	
Quốc tịch	:	Việt Nam	
Dân tộc	:	Kinh	
Quê quán	:	Xã Cát Văn, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	
Địa chỉ thường trú	:	Số 20, BT1 - Bắc Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	0438693047	
Trình độ văn hóa	:	12/12	
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư máy xây dựng	
Quá trình công tác	:		
08/1996	08/1999	:	Kỹ sư Xây dựng Nhà máy Bê tông Thịnh Liệt
09/1999	09/2001	:	Cán bộ kỹ thuật phân xưởng Cơ điện Công ty Cơ điện Trần Phú
10/2001	03/2002	:	Đốc công phân xưởng Đồng Công ty Cơ điện Trần Phú
04/2002	04/2004	:	Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Cơ điện Trần Phú
05/2004	05/2010	:	Trưởng phòng Kỹ thuật Chất lượng Công ty Cơ điện Trần Phú

06/2010	Nay	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
Chức vụ công tác hiện nay	:		Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:		Đại diện vốn của công ty tại Công ty cổ phần dây và ống đồng Trần Phú là Thành viên HĐQT công ty.
Số cổ phần nắm giữ	:		786.380 cổ phần trong đó: - Cổ phần Nhà nước đại diện : 784.000 cổ phần - Cổ phần cá nhân: 2.380 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	:		Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:		Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:		Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:		Phụ cấp HĐQT kiêm nhiệm hàng tháng Tiền lương, tiền thưởng theo quy chế lương của công ty
Những người có liên quan	:		Mẹ - Nguyễn Thị Nguyệt sở hữu 0 cổ phần Bố - Nguyễn Đình Thường sở hữu 0 cổ phần Vợ - Đinh Phương Thùy sở hữu 0 cổ phần Con - Nguyễn Đình Anh sở hữu 0 cổ phần Con - Nguyễn Đình Giáp sở hữu 0 cổ phần Chị - Nguyễn Thu Hằng sở hữu 0 cổ phần Em - Nguyễn Hương Giang sở hữu 0 cổ phần

Ông Đào Hoài Nam

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	1976
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMTND	:	011742770 Do Công An Hà Nội cấp ngày 19/6/2007
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh



Quê quán		:	Xã Tân Khánh, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú		:	Số 6, ngách 17 ngõ 260, phố Chợ Khâm Thiên, P. Trung Phụng, Q. Đống Đa, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		:	043.8688811
Trình độ văn hóa		:	12/12
Trình độ chuyên môn		:	Cử nhân kinh tế - Cử nhân ngoại ngữ - Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		:	
10/1999	09/2004	:	Cán bộ phòng kinh doanh Công ty Cơ điện Trần Phú
10/2004	05/2006	:	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cơ điện Trần Phú
06/2006	02/2008	:	Phó phòng phụ trách chung phòng vật tư XNK Công ty Cơ điện Trần Phú
03/2008	03/2010	:	Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp Công ty TNHH NN MTV Cơ điện Trần Phú
03/2010	05/2010	:	Tuởng phòng XNK quan hệ quốc tế và phát triển thị trường nước ngoài Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
06/2010	Nay	:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng XNK quan hệ quốc tế và phát triển thị trường nước ngoài Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú
Chức vụ công tác hiện nay		:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Không
Số cổ phần nắm giữ		:	785.960 cổ phần trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 784.000 cổ phần - Cổ phần cá nhân: 1.960 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với		:	Không

Công ty		
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Phụ cấp HĐQT kiêm nhiệm hàng tháng Tiền lương, tiền thưởng theo quy chế lương của công ty
Những người có liên quan	:	Bố - Đào Trọng Thương sở hữu 0 cổ phần Vợ - Nguyễn Phương Thảo sở hữu 0 cổ phần Con - Đào Minh An sở hữu 0 cổ phần Con - Đào Minh Khang sở hữu 0 cổ phần Anh - Đào Hùng Thắng sở hữu 0 cổ phần

Bà Đỗ Thị Thu Trà

Giới tính	:	Nữ	
Ngày tháng năm sinh	:	1975	
Nơi sinh	:	Hà Nội	
Số CMTND	:	011937080 Do Công An Hà Nội cấp ngày 24/8/2010	
Quốc tịch	:	Việt Nam	
Dân tộc	:	Kinh	
Quê quán	:	Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội	
Địa chỉ thường trú	:	Số nhà 103B, A16 P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	043.8691169	
Trình độ văn hóa	:	12/12	
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế - Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp	
Quá trình công tác	:		
04/1997	03/1999	:	Nhân viên kế toán Công ty hóa chất Sơn Hà Nội
10/1999	03/2004	:	Kế toán viên Công ty Cơ điện Trần Phú
04/2004	11/2008	:	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH NN MTV Cơ điện Trần Phú
12/2002	04/2010	:	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH NN MTV Cơ điện Trần Phú
05/2010	Nay	:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú

Chức vụ công tác hiện nay	:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	798.000 cổ phần trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 784.000 cổ phần - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 14.000 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Phụ cấp HĐQT kiêm nhiệm hàng tháng Tiền lương, tiền thưởng theo quy chế lương của công ty
Những người có liên quan	:	Mẹ - Trần Thị Lý sở hữu 0 cổ phần Bố - Đỗ Xuân Chúc sở hữu 0 cổ phần Con - Nguyễn Đỗ Quyên sở hữu 0 cổ phần Chị - Đỗ Thị Hồng Hoa sở hữu 0 cổ phần Chị - Đỗ Thị Hồng Vân sở hữu 0 cổ phần Em - Đỗ Thị Hương Giang sở hữu 0 cổ phần Em - Đỗ Thị Thu Thủy sở hữu 0 cổ phần Em - Đỗ Chiến Thắng sở hữu 0 cổ phần

Bà Trần Thị Ngà

Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	1955
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMTND	:	011454375 Do Công An Hà Nội cấp ngày 26/5/2010
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh



Quê quán		:	Đạo lý – Lý Nhân – Hà Nam
Địa chỉ thường trú		:	Phòng 54 Nhà E2 phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		:	6295719
Trình độ văn hóa		:	10/10
Trình độ chuyên môn		:	Kỹ sư sư phạm
Quá trình công tác		:	
11/1972	6/1975	:	Công ty lắp máy điện nước Cục xây dựng Hà Nội
7/1975	11/1979	:	Học cao đẳng sư phạm giáo viên dạy nghề tại cộng hòa dân chủ Đức
12/1979	3/1999	:	Giáo viên dạy nghề xí nghiệp cơ khí xây dựng nay là công ty cổ phần cơ điện Trần Phú
3/1999	5/2010	:	Trưởng phòng tổ chức hành chính quản trị
1/2010	nay	:	Ủy viên HĐQT kiêm thư ký
Chức vụ công tác hiện nay		:	Thành viên HĐQT kiêm Thư ký HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Không
Số cổ phần nắm giữ		:	- Cổ phần cá nhân nắm giữ: 840 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Phụ cấp HĐQT kiêm nhiệm hàng tháng Tiền lương, tiền thưởng theo quy chế lương của công ty

Những người có liên quan :	Mẹ - Trần Thị Loan sở hữu 0 cổ phần
	Chồng - Nguyễn Thành Lý sở hữu 0 cổ phần
	Con - Nguyễn Thành Minh sở hữu 1.500 cổ phần
	Con - Nguyễn Minh Hương sở hữu 0 cổ phần
	Anh - Trần Văn Lợi sở hữu 0 cổ phần
	Anh - Trần Thế Việt sở hữu 0 cổ phần
	Chị - Trần Thi Nga sở hữu 0 cổ phần
	Em - Trần Thế Hùng sở hữu 0 cổ phần
	Em - Trần Thế Mạnh sở hữu 0 cổ phần
	Em - Trần Thế Cường sở hữu 0 cổ phần
	Em - Trần Thúy Thanh sở hữu 0 cổ phần

Ông Trần Hải Đăng

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	1969
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMTND	:	012010981 Do Công An Hà Nội cấp ngày 27/1/1997
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Tân Hòa – Huyện Hưng Hà – Tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú	:	Số 18, Ngõ Giếng Mút, phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	22143271
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện, Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		:
11/1992	5/2006	: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền bắc – Tập đoàn Điện lực Việt Nam
6/2006	9/2007	: Cán bộ phòng kỹ thuật công ty TNHH NN MTV cơ điện Trần Phú (nay là công ty cổ phần cơ điện Trần Phú)
10/2007	5/2010	: Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc công ty cổ phần dây và ống

			đồng Trần Phú
8/2013	nay	:	- Thành viên HĐQT công ty cổ phần cơ điện Trần Phú
10/2013	nay	:	- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần dây điện và phích cắm Trần Phú
6/2010	8/2014	:	- Trưởng phòng Tổ chức hành chính quản trị công ty cổ phần cơ điện Trần Phú
9/2014	nay	:	- Trưởng phòng kỹ thuật công ty cổ phần cơ điện Trần Phú
Chức vụ công tác hiện nay		:	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng kỹ thuật công ty cổ phần cơ điện Trần Phú
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc công ty cổ phần dây và ống đồng Trần Phú Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần dây điện và phích cắm Trần Phú
Số cổ phần nắm giữ		:	790.860 cổ phần trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 784.000 cổ phần - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.860 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Phụ cấp HĐQT kiêm nhiệm hàng tháng Tiền lương, tiền thưởng theo quy chế lương của công ty
Những người có liên quan		:	Mẹ - Trương Thị Hải sở hữu 0 cổ phần Vợ - Đào Hồng Gấm sở hữu 0 cổ phần Con - Trần Nhật Mai sở hữu 0 cổ phần Con - Trần An Khánh sở hữu 0 cổ phần Em - Trần Mạnh Cường sở hữu 0 cổ phần Em - Trần Thị Kim Oanh sở hữu 0 cổ phần

Ông Nguyễn Hoàng Việt Quân

Giới tính	:	Nam	
Ngày tháng năm sinh	:	1976	
Nơi sinh	:	Yên Lạc – Vĩnh Phúc	
Số CMTND	:	013063002 Do Công An Hà Nội cấp ngày 13/6/2009	
Quốc tịch	:	Việt Nam	
Dân tộc	:	Kinh	
Quê quán	:	Trung Nguyên – Yên Lạc – Vĩnh Phúc	
Địa chỉ thường trú	:	Thôn Tiên Hùng, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội.	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	0912256706	
Trình độ văn hóa	:	12/12	
Trình độ chuyên môn	:	Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh	
Quá trình công tác	:		
11/2004	3/2012	:	Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần sản xuất Thanh Vân
4/2012	nay	:	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD công ty cổ phần sản xuất Thanh Vân
Chức vụ công tác hiện nay	:	Thành viên HĐQT	
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD công ty cổ phần sản xuất Thanh Vân	
Số cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phần	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	:	Không	
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không	

Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Phụ cấp HDQT hàng tháng Tiền thưởng theo quy chế tổ chức và hoạt động
Những người có liên quan	:	Bố - Nguyễn Văn Đỗ sở hữu 0 cổ phần Mẹ - Nguyễn Thị Giới sở hữu 0 cổ phần Vợ - Nguyễn Thị Hạnh sở hữu 0 cổ phần Chị - Nguyễn Thị Sói sở hữu 0 cổ phần Em - Nguyễn Văn Chào sở hữu 0 cổ phần Em - Nguyễn Văn Tiến sở hữu 0 cổ phần

Ông Bạch Ngọc Du

Giới tính	:	Nam	
Ngày tháng năm sinh	:	1973	
Nơi sinh	:	Hà Nội	
Số CMTND	:	001073001055 Do Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và DLQG Bộ Công An cấp ngày 9/5/2014	
Quốc tịch	:	Việt Nam	
Dân tộc	:	Kinh	
Quê quán	:	Hà Đông, Hà Tây (Cũ)	
Địa chỉ thường trú	:	Số 41, ngõ 4, Đường Thanh Bình, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	0909086999	
Trình độ văn hóa	:	12/12	
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Luật, Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác	:		
12/2000	4/2004	:	Giám đốc chi nhánh Miền Bắc – Tổng công ty công trình giao thông 5
4/2004	5/2005	:	Giám đốc công ty Đầu tư xây dựng 573
5/2005	4/2013	:	Đại diện vốn Nhà nước tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng 573 – Chủ tịch HĐQT công ty
5/2013	6/2013	:	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 5

7/2013	nay	:	Chủ tịch HĐQT Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 5
6/2014	nay	:	Chủ tịch HĐQT Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 5 – CTCP
Chức vụ công tác hiện nay		:	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Chủ tịch HĐQT Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 5 – CTCP
Số cổ phần nắm giữ		:	0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		:	<p>1. Tổng công ty XDCTGT5-CTCP: 12.371.000 cổ phần Trong đó: Cổ phần Nhà nước đại diện nắm giữ: 12.371.000 cổ phần Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần</p> <p>2. Công ty cổ phần phát triển địa ốc Cienco5: 1.000.000 cổ phần Trong đó: Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 1.000.000 cổ phần Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần</p> <p>3. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 573: 41.950 cổ phần Trong đó: cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 cổ phần Cổ phần cá nhân nắm giữ: 41.950 cổ phần</p>
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Phụ cấp HĐQT kiêm nhiệm hàng tháng Tiền lương, tiền thưởng theo quy chế tổ chức hoạt động.
Những người có liên quan		:	<p>Bố - Bạch Ngọc Thụy sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Mẹ - Trần Thị Thìn sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Vợ - Nguyễn Thị Hương Thảo sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con - Bạch Ngọc Minh sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con - Bạch Ngọc Kim Ngân sở hữu 0 cổ phần</p>

		Anh - Bạch Ngọc Chiến sở hữu 0 cổ phần Em - Bạch Ngọc An sở hữu 0 cổ phần
--	--	--

13.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

Danh sách thành viên BKS:

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại Công ty	CMTND
1	Nguyễn Dũng	57	Trưởng ban kiểm soát	040057000030
2	Nguyễn Tô Duy	36	Ủy viên ban kiểm soát	011850463
3	Nguyễn Xuân Thanh	38	Ủy viên ban kiểm soát	011913122
4	Nguyễn Ngọc Quyền	28	Ủy viên ban kiểm soát	135237559
5	Lưu Quang Hoàng	38	Ủy viên ban kiểm soát	011830009

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Dũng

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	6/11/1957
Nơi sinh	:	Nghệ An
Số CMTND	:	040057000030 Do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/10/2014
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Nam Cát – Nam Đàn – Nghệ An
Địa chỉ thường trú	:	Phòng 906 Licogi 12 -21 Đại Từ - Đại Kim – Hoàng Mai – Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	22143272
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư chế tạo máy



Quá trình công tác		:	
03/1975	9/1979	:	Đi bộ đội D6 E148 F316B Trường bắn văn hóa quân khu 4 Quảng Bình.
10/1975	5/1985	:	Học đại học Bách khoa chế tạo máy
6/1985	3/1986	:	Học ở học viện quân sự tỉnh Vĩnh Phúc
4/1986	12/1991	:	Giáo viên trường Trung cấp không quân ở Hà Nội
1/1992	12/1993	:	Chuyển về xí nghiệp cơ khí xây dựng Trần Phú nay là công ty cổ phần cơ điện Trần Phú
1/1994	12/1994	:	Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất dây điện dân dụng Công ty cơ điện Trần Phú
1/1995	9/2005	:	Quản đốc phân xưởng sản xuất dây điện dân dụng Công ty cơ điện Trần Phú
10/2005	10/2006	:	Trưởng phòng kỹ thuật
11/2006	12/2008	:	Giám đốc xí nghiệp sản xuất dây và phích cắm Trần Phú
1/2009	12/2009	:	Trưởng phòng kiểm tra chất lượng
1/2010	nay	:	Trưởng ban kiểm soát công ty
Chức vụ công tác hiện nay		:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Đại diện vốn Nhà nước tại công ty cổ phần dây điện và phích cắm Trần Phú – Thành viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ		:	392.000 cổ phần Trong đó: - Cổ phần đại diện nhà nước nắm giữ: 392.000 cổ phần - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Tiền lương, thưởng theo quy chế lương của công ty Phụ cấp
Những người có liên quan	:	Vợ - Trần Thị Đức sở hữu 0 cổ phần Con - Nguyễn Chí Trung sở hữu 0 cổ phần Anh- Nguyễn Điệp sở hữu 0 cổ phần Chị - Nguyễn Thị Hà sở hữu 0 cổ phần Em - Nguyễn Hùng sở hữu 0 cổ phần Em - Nguyễn An sở hữu 0 cổ phần

Ông Lưu Quang Hoàng

Giới tính	:	Nam	
Ngày tháng năm sinh	:	18/10/1976	
Nơi sinh	:	Hà Nội	
Số CMTND	:	011830009 Do Công An TP Hà Nội cấp ngày 26/3/2012	
Quốc tịch	:	Việt Nam	
Dân tộc	:	Kinh	
Quê quán	:	Tân Đức – Ba Vì – Hà Nội	
Địa chỉ thường trú	:	Số nhà 31, Ngõ 168, Đường Nguyễn Xiển – Phường Hạ Đình – Quận Thanh Xuân – TP Hà Nội.	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	0904162000	
Trình độ văn hóa	:	12/12	
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác	:		
11/1998	2/1999	:	Kế toán công ty dịch vụ kỹ thuật dầu khí PTSC – Hà Nội
3/1999	8/1999	:	Kế toán công ty dịch vụ kỹ thuật dầu khí PTSC – Vũng tàu
9/1999	5/2006	:	Chuyên viên – vụ tài vụ quản trị Bộ Tài chính
6/2006	11/2006	:	Phó giám đốc công ty TNHH kỹ thuật và công nghệ
12/2006	11/2008	:	Phó phòng tài vụ công ty TNHH NN MTV cơ điện Trần Phú
12/2008	Nay	:	Nhân viên biệt phái – Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dây

		điện và Phích cắm Trần Phú
Chức vụ công tác hiện nay	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Đại diện vốn đầu tư của công ty cổ phần cơ điện Trần Phú tại công ty cổ phần dây điện và phích cắm Trần Phú – Phó tổng giám đốc công ty này.
Số cổ phần nắm giữ	:	184.480 cổ phần trong đó: Cổ phần cá nhân nắm giữ: 184.480 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Phụ cấp hoạt động HĐQT kiêm nhiệm hàng tháng
Những người có liên quan	:	Mẹ - Trần Thị Xuân Thơm sở hữu 0 cổ phần Bố - Lưu Quang Phùng sở hữu 0 cổ phần Vợ - Nguyễn Thị Hồng Vân sở hữu 0 cổ phần Con - Lưu Ngọc Linh sở hữu 0 cổ phần Con - Lưu Quang Huy sở hữu 0 cổ phần Em - Lưu Thị Kim Anh sở hữu 0 cổ phần

Ông Nguyễn Xuân Thanh

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	25/1/1976
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMTND	:	011913122 Do Công An TP Hà Nội cấp ngày 01/10/2009
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Bồ Đề - Gia Lâm – Hà Nội

Địa chỉ thường trú		:	Số 63 tổ 5 Bồ Đề, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		:	043.8691168
Trình độ văn hóa		:	12/12
Trình độ chuyên môn		:	Cử nhân Kinh tế - Cử nhân Luật kinh tế
Quá trình công tác		:	
02/2002	4/2010	:	Công nhân nấu đúc đồng để cán dây điện
4/2010	nay	:	Cán bộ phòng kế hoạch sản xuất thương mại và dịch vụ
Chức vụ công tác hiện nay		:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		:	Không
Số cổ phần nắm giữ		:	0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật		:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty		:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		:	Phụ cấp Ban kiểm soát Tiền lương, thưởng theo quy chế lương của công ty
Những người có liên quan		:	Mẹ - Nguyễn Thị Hoa sở hữu 0 cổ phần Bố - Nguyễn Văn Óng sở hữu 0 cổ phần
		:	Vợ - Trương Thị Bích Hợp sở hữu 0 cổ phần
		:	Con - Nguyễn Thành Long sở hữu 0 cổ phần
		:	Con - Nguyễn Thành Nam sở hữu 0 cổ phần
		:	Chị - Nguyễn Thị Hà sở hữu 0 cổ phần
		:	Em - Nguyễn Thị Thuận sở hữu 0 cổ phần

Ông Nguyễn Tô Duy

Giới tính	:	Nam	
Ngày tháng năm sinh	:	13/8/1978	
Nơi sinh	:	Hà Nội	
Số CMTND	:	011850463 Do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/5/2012	
Quốc tịch	:	Việt Nam	
Dân tộc	:	Kinh	
Quê quán	:	Xã Tam Thanh, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định	
Địa chỉ thường trú	:	P604 tổ 7 Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	0438691169	
Trình độ văn hóa	:	12/12	
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế	
Quá trình công tác	:		
1/2002	4/2010	:	Kế toán viên
5/2010	Nay	:	Phó phòng tài chính kế toán
Chức vụ công tác hiện nay	:	Thành viên Ban kiểm soát	
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần dây và ống đồng Trần Phú	
Số cổ phần nắm giữ	:	1.540 cổ phần trong đó: cổ phần cá nhân nắm giữ: 1.540 cổ phần	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	:	1.255 cổ phần công ty cổ phần dây và ống đồng Trần Phú	
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không	

Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Phụ cấp Ban kiểm soát Lương, thưởng theo quy chế của công ty
Những người có liên quan	:	Mẹ - Nguyễn Thị Hồi sở hữu 0 cổ phần Vợ - Trần Thị Phương Thảo sở hữu 0 cổ phần Con - Nguyễn Trần Phương Anh sở hữu 0 cổ phần Con - Nguyễn Duy Cường sở hữu 0 cổ phần Chị - Nguyễn Hoài Lan sở hữu 0 cổ phần

Ông Nguyễn Ngọc Quyền

Giới tính	:	Nam	
Ngày tháng năm sinh	:	23/12/1986	
Nơi sinh	:	Thôn xuân Chiêm – Xã Yên Lạc – Tỉnh Vĩnh Phúc	
Số CMTND	:	135237559 Do Công An Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08/03/2004	
Quốc tịch	:	Việt Nam	
Dân tộc	:	Kinh	
Quê quán	:	Trung Yên, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	
Địa chỉ thường trú	:	Thôn Xuân Chiêm, Trung Yên – Yên Lạc – Vĩnh Phúc	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	:	0975443386	
Trình độ văn hóa	:	12/12	
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác	:		
2/2009	6/2014	:	Phó phòng kinh doanh công ty cổ phần sản xuất Thanh Vân
7/2014	Nay	:	Làm việc tại ngân hàng An Bình
Chức vụ công tác hiện nay	:	Thành viên Ban kiểm soát	
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không	
Số cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phần	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	:	Không	

Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Phụ cấp Ban kiểm soát kiêm nhiệm hàng tháng
Những người có liên quan	:	Mẹ - Nguyễn Thị Hải sở hữu 0 cổ phần Bố - Nguyễn Văn Khước sở hữu 0 cổ phần Vợ - Nguyễn Thị Hương sở hữu 0 cổ phần Anh - Nguyễn Văn Quý sở hữu 0 cổ phần Em - Nguyễn Thị Mai Nga sở hữu 0 cổ phần

13.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại Công ty	CMTND
1	Quản Ngọc Cường	59	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	011713647
2	Nguyễn Việt Cường	42	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	011702447
3	Đào Hoài Nam	38	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	011742770
4	Đỗ Thị Thu Trà	39	Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng	011937080

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Xem tại mục Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

14. TÀI SẢN

Bảng 20: Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2013

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I. TSCĐ hữu hình	222.723.230.831	188.853.935.348	33.869.295.483
1.Nhà cửa, vật kiến trúc	6.581.016.368	5.317.710.729	1.263.305.639
2.Máy móc thiết bị	210.011.864.382	179.604.317.782	30.407.546.600
3.Phương tiện vận tải	5.688.503.177	3.642.092.250	2.046.410.927
4.Thiết bị dụng cụ quản lý	441.846.904	289.814.587	152.032.317
II. TSCĐ vô hình	769.174.423	522.178.819	246.995.604
1.Quyền sử dụng đất	0	0	0
2.Phần mềm vi tính, bản quyền, bằng sáng chế	379.467.057	162.290.186	217.176.871
3.TSCĐ vô hình khác	389.707.366	359.888.633	29.818.733
Tổng	223.492.405.254	189.376.114.167	34.116.291.087

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013

Bảng 21: Chi tiết tài sản cố định tại 30/09/2014

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I. TSCĐ hữu hình	216.074.625.727	186.115.037.893	29.959.587.834
1.Nhà cửa, vật kiến trúc	6.581.016.368	5.475.109.272	1.105.907.096
2.Máy móc thiết bị	203.363.259.278	176.436.583.736	26.926.675.542
3.Phương tiện vận tải	5.688.503.177	3.874.660.764	1.813.842.413
4.Thiết bị dụng cụ quản lý	441.846.904	328.684.121	113.162.783
II. TSCĐ vô hình	769.174.423	575.568.160	193.606.263
1.Quyền sử dụng đất			
2.Phần mềm vi tính, bản quyền, bằng sáng chế	379.467.057	193.315.454	186.151.603
3.TSCĐ vô hình khác	389.707.366	382.252.706	7.454.660
Tổng	216.843.800.150	186.690.606.053	30.153.194.097

Nguồn: BCTC quý 3/2014

Bảng 22: Đất đai thuộc sở hữu của Công ty

TT	Tên/Vị trí	Diện tích (m2)	Ghi chú
1	Trụ sở công ty hiện ở tại số 41 phố Phương Liệt. Tuy nhiên năm 2008 UBND thành phố Hà Nội đã phê duyệt chuyển mục đích sử dụng 16.370 m2 đất tại số 41 phố phương liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội sang xây dựng khu nhà ở. Công ty đang tiến hành triển khai di dời nhà máy sang địa điểm mới tại Phường Phúc Lợi, quận Long Biên để giao trả mặt bằng cho Dự án trên.		
2	Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	57.206	Đất đang triển khai xây dựng nhà máy mới để di chuyển cơ sở sản xuất của Công ty từ số 41 Phố Phương Liệt sang Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội Đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 20/3/2008

15. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014, và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của HĐQT Công ty như sau:

Bảng 23: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014-2015

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014		Năm 2015	
		Kế hoạch	% tăng (giảm) so với năm 2013	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với năm 2014
Doanh thu thuần	1.119	1.100	-1,7%	1.100	0%
Lợi nhuận sau thuế	5,4	21,84	304,44%	8	-63,37%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,48%	1,99%	1,50%	0,73%	-1,26%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,88%	13,58%	9,69%	3,24%	-10,34%
Cổ tức	không chia	10-12%		không chia	

Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Năm 2014 tuy nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức nhưng dự đoán sẽ ổn định hơn giai đoạn trước. Điều này tạo tiền đề cho các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng mới trong năm nay.

Cho đến hết tháng 9 năm 2014, lợi nhuận sau thuế của Trần Phú là 16,7 tỷ đồng, đạt 60% mục tiêu kế hoạch năm 2014 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại, Công ty có khả năng đạt được kết quả dự kiến của năm 2014.

Trong thời gian tới, Trần Phú sẽ đẩy mạnh quảng bá sản phẩm bằng nhiều hình thức, một mặt thông qua các phương tiện truyền thông giúp người tiêu dùng và thị trường nhận biết rõ hơn sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành các giải pháp tăng cường chính sách bán hàng, chăm sóc khách hàng để khách hàng tin tưởng với sản phẩm dây cáp điện Trần Phú.

Trong sản xuất, ban lãnh đạo đơn đốc triển khai thực hiện bộ định mức vật tư, định mức lao động của Công ty mới ban hành, gắn tiền lương, thưởng vào các hoạt động có hiệu quả như tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, vật tư phụ tùng, nhiên liệu, điện nước, lao động... để giảm chi phí quản lý, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Trần Phú vẫn giữ vững tên tuổi và chỗ đứng của mình trên thị trường như một đơn vị hàng đầu Miền Bắc về sản xuất và cung cấp dây cáp điện. Số lượng khách hàng quen ổn định cùng các nhà cung cấp lâu năm sẽ đảm bảo sản lượng sản xuất kinh doanh.

Mặc dù nguồn vốn của Công ty hiện còn thấp và đòi hỏi quay vòng vốn nhanh, nhưng với lịch sử tín dụng minh bạch, việc tiếp cận nguồn vốn vay trong thời gian tới vẫn có thể đáp ứng được.

16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú, BSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú dự kiến cho năm tới là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng

như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú.

17. THỜI HẠN DỰ KIẾN ĐƯA CỔ PHIẾU VÀO GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CÓ TỔ CHỨC

Căn cứ Nghị quyết số 01-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/10/2014, Công ty cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức trong thời hạn không quá 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN

Không

19. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

Hiện nay, Công ty đang đứng tên nguyên đơn đề nghị Bộ Công An điều tra xác minh làm rõ lô hàng 67,5 tấn đồng dây phi 8 của Công ty gửi tại công ty TNHH XNK Hùng Vương City bị mất. Giá trị lô hàng này hiện đang được phản ánh trên chỉ tiêu “tài sản thiếu chờ xử lý” với số tiền 13.138.456.729 đồng trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 của Công ty. Vụ việc đang được các cơ quan chức năng Bộ Công an xem xét giải quyết. Trường hợp xấu nhất, Công ty không thu hồi được tài sản nói trên có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty, qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phần của Công ty.

PHẦN 5: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

1. LOẠI CỔ PHẦN

Cổ phần phổ thông

2. MỆNH GIÁ

10.000 đồng/ cổ phần

3. TỔNG SỐ CỔ PHẦN DỰ KIẾN CHÀO BÁN

Tổng số cổ phần dự kiến chào bán là 7.840.000 cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng, theo tỷ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu.

Số cổ phần được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền và toàn bộ số cổ phiếu phát sinh do chênh lệch giữa tổng số cổ phiếu được phép phát hành và số cổ phiếu thực tế chia cho cổ đông sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp nhưng không ưu đãi hơn các điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

4. GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN

Giá dự kiến chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/ cổ phần.

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2014 là 19.929 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ tình hình tài chính và nhu cầu huy động vốn của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú, đồng thời đảm bảo sự thành công của đợt chào bán, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 01-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/10/2014 đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 50% giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2014.

6. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

Chào bán 7.840.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 1:1 (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông phục vụ cho đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phần thì có 01 (một) quyền mua 01 (một) cổ phần mới, cứ 01 (một) quyền mua sẽ được mua 01 (một) cổ phần phát hành thêm.

Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua một lần duy nhất cho các đối tượng khác (nếu có nhu cầu) trong thời gian đăng ký mua cổ phần theo thời hạn do

HDQT quy định. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba.

Phương án xử lý số cổ phần lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu có):

- Số cổ phần được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Toàn bộ số cổ phần lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền và toàn bộ số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định chào bán cho đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp nhưng không ưu đãi hơn các điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Trong trường hợp kết thúc thời hạn phát hành (kể cả thời gian được gia hạn nếu có) mà cổ phần chào bán không được phân phối hết thì số cổ phần còn lại được coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán thành công của đợt này sẽ được tính giảm tương ứng; vốn điều lệ tăng thêm tương ứng với số lượng vốn thực góp của nhà đầu tư.

7. THỜI GIAN PHÂN PHỐI DỰ KIẾN

Thời gian phân phối cổ phần phát hành thêm dự kiến được tiến hành ngay sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến trong quý 4 năm 2014. Lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ UBCKNN.

8. ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU

- Thời hạn đăng ký mua cổ phần: theo quy định tối thiểu là 20 ngày làm việc. Công ty sẽ có thông báo chính thức về thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định.
- Đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần: cổ đông đăng ký mua cổ phần và chuyển nhượng quyền mua cổ phần Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú – 41 Phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Phương thức thanh toán: Tiền mua cổ phần sẽ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo hướng dẫn tại thông báo phát hành.
- Chuyển giao cổ phiếu: Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu: Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các cổ đông phổ thông khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty kể từ ngày được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông. Cổ phần phát hành trong đợt phát hành thêm này là cổ phần phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Số lượng đặt mua cổ phiếu tối thiểu: Không hạn chế số lượng mua tối thiểu, cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua được quyền đặt mua từ 01 cổ phần đến số lượng cổ phần tối đa được quyền mua.

9. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN

Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phần, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phần) theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7, V.8 của Bản cáo bạch này.

10. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định cụ thể về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài.

Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên TTCK Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phần của công ty cổ phần đại chúng (bao gồm công ty đại chúng niêm yết và chưa niêm yết), trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và chi nhánh của các tổ chức này tại nước ngoài và tại Việt Nam; tổ chức thành lập và hoạt động ở Việt Nam có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%; quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%; Cá nhân nước ngoài là người không mang quốc tịch Việt Nam, cư trú tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0%.

11. CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG

Cổ phần phát hành thêm đợt này không bị hạn chế chuyển nhượng.

12. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Các loại thuế đang được áp dụng với Trần Phú:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: mức thuế suất hiện hành 22%

Thuế giá trị gia tăng: 10% theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng

Thuế môn bài: 3 triệu đồng/năm

13. TỶ LỆ CHÀO BÁN THÀNH CÔNG VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

Trường hợp kết quả chào bán không đạt tỷ lệ thành công như dự kiến (là 78,4 tỷ đồng), Công ty dự kiến sử dụng tiền từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối để làm vốn đối ứng thực hiện dự án và sẽ triển khai phát hành bổ sung vốn điều lệ khi điều kiện thị trường thuận lợi hơn.

14. MỞ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa theo thông tin chi tiết sau:

Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú

Số tài khoản: 020024248888

Tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Đống Đa

Địa chỉ: 360 Phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội

PHẦN 6: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết số 01-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/10/2014 của Đại hội đồng cổ đông, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ dùng để đảm bảo vốn đối ứng thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng di chuyển Nhà máy sản xuất dây cáp điện – Công ty CP Cơ điện Trần Phú tại Phường Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội”.

2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

2.1. Căn cứ pháp lý của dự án:

- Quyết định số 55/QĐ-CTYTP ngày 12/09/2007 của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng di chuyển nhà máy sản xuất dây cáp điện – Công ty TNHH NN Một thành viên Cơ điện Trần Phú.
- Công văn số 1602/QHKT-P2 của Sở Quy hoạch Kiến trúc ngày 04/10/2005 về việc chấp thuận lập quy hoạch mặt bằng nhà máy sản xuất dây cáp điện tại phường Phúc Lợi, Quận Long Biên.

2.2. Sự cần thiết phải thực hiện đầu tư vào dự án

Việc thực hiện dự án đầu tư di dời nhà máy của Trần Phú phù hợp và nhằm thực hiện đúng chủ trương quy hoạch chung của thành phố Hà Nội:

- Quy hoạch tổng thể Hà Nội đến năm 2020 với các nội dung nhằm xây dựng Hà Nội trở thành một thủ đô vừa dân tộc, vừa hiện đại, đậm đà bản sắc và truyền thống ngàn năm văn hiến, tương xứng với thủ đô của một nước có quy mô dân số một trăm triệu dân, có vị trí xứng đáng trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.
- Vị trí của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú nằm ở 41 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Các cơ sở sản xuất trong khu vực này đang được khuyến khích chuyển ra ngoài nội thành, nhất là các cơ sở gây nhiều ô nhiễm môi trường, trong đó có Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú.

Việc thực hiện dự án phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty:

- Từ ngày thành lập đến nay, Công ty mới chỉ được thành phố cho thuê diện tích 16.340 m² làm trụ sở và nhà máy tại số 41 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Do diện tích chật hẹp lại nằm gọn trong khu vực dân cư, đường ra vào chật hẹp không phù hợp với tính chất và quy mô sản xuất kinh doanh, nhiều năm qua Công ty đã phải đối mặt với những bất cập, trở ngại cho việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và các kế hoạch phát triển của Công ty như: (i) Phải thuê mặt bằng sản xuất ở nhiều nơi, khó khăn trong phối hợp sản xuất, quản lý tập trung, làm tăng giá thành sản xuất; (ii) Nhà xưởng chật chội, tổ chức dây chuyền sản xuất chông chéo ảnh hưởng tới năng suất lao động; (iii) ảnh hưởng môi trường sống của khu dân cư do ô nhiễm tiếng ồn, bụi; (iv) Không có diện tích để mở rộng nhà máy nên không thực hiện đầu tư mở rộng sản xuất, lắp đặt thiết bị mới trong khi quy mô và năng lực sản xuất tăng.

- Qua phân tích thực trạng, Công ty nhận định năng lực sản xuất hiện có không thể sản xuất được các sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Vì vậy, vấn đề cấp thiết là đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị mới, hiện đại để có thể đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng lớn về số lượng và cũng ngày càng khắt khe về chất lượng.
- Việc đầu tư thêm thiết bị công nghệ mới và hiện đại đặt ra yêu cầu về diện tích xây dựng và nhà xưởng để đáp ứng nhu cầu sản xuất.
Do đó, thành phố Hà Nội đã có chủ trương cho Công ty di chuyển nhà máy để ổn định sản xuất tại Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

2.3. Những nét chính của dự án:

Tên dự án:	Đầu tư xây dựng di chuyển nhà máy sản xuất dây cáp điện Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú
Chủ đầu tư:	Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú
Chủ quản:	UBND Thành phố Hà Nội
Địa điểm:	Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Mục đích:	Mở rộng đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm dây cáp điện của Trần Phú; Thực hiện chủ trương của Thành phố Hà Nội về việc chuyển dần các đơn vị sản xuất ra khỏi địa bàn nội thành Hà Nội, bảo vệ môi trường thành phố
Quy mô:	Xây dựng nhà máy trên diện tích 57.206 m ² với khoảng 300 lao động và sản xuất 10.000 tấn sản phẩm dây cáp điện mỗi năm.
Thời gian hoạt động của dự án:	Dự kiến tổng thời gian 50 năm trong đó 43 năm hoạt động sau khi hoàn tất xây dựng
Tiến độ triển khai:	Thực hiện qua hai giai đoạn: <u>Giai đoạn 1</u> : Di dời trang thiết bị, đầu tư thêm thiết bị công nghệ mới và đầu tư xây dựng công trình. Hiện đã giải phóng mặt bằng xong và đang tiến hành xây dựng, dự kiến hoàn thành lắp đặt và đưa vào hoạt động trong năm 2015.

Giai đoạn 2: Đầu tư mở rộng và đầu tư
chiều sâu trang thiết bị công nghệ

2.4. Chỉ tiêu tài chính

Bảng 24: Các số liệu cơ bản về tổng mức đầu tư

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Đã thực hiện	Giai đoạn 1 (bao gồm phần đã thực hiện)	Giai đoạn 2	Toàn dự án
1	Chi phí xây dựng	12.943.392.342	173.446.078.776	101.341.668.344	274.787.747.110
2	Chi phí thiết bị		164.801.525.902	116.720.000.000	281.521.525.902
2.1	Thiết bị công trình		11.015.257.100		11.015.257.100
2.2	Thiết bị công nghệ		145.981.759.809	116.720.000.000	262.701.759.809
2.2.1	Chi phí tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt		47.253.606.000		47.253.606.000
2.2.2	Chi phí thiết bị hiện có	43.480.168.809	43.532.662.802		43.532.662.802
2.2.3	Chi phí thiết bị đầu tư		63.000.000.000	116.720.000.000	179.720.000.000
3	Chi phí thuê đất				
4	Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng	14.167.381.144	14.167.381.144		14.167.381.144
5	Chi phí quản lý dự án		4.719.292.613	3.299.551.630	8.018.844.243

ST T	Nội dung	Đã thực hiện	Giai đoạn 1 (bao gồm phần đã thực hiện)	Giai đoạn 2	Toàn dự án
6	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	2.143.943.274	13.879.194.481	5.182.447.529	19.061.642.010
7	Chi phí khác	18.163.661.271	44.808.928.957	2.555.434.791	47.364.363.748
8	Lãi vay		22.327.735.823		22.327.735.823
9	Dự phòng		57.385.710.746	34.364.865.344	91.750.576.091
Tổng chi phí đầu tư:		90.898.546.840	495.535.848.442	263.463.968.000	758.999.816.000

Nguồn vốn thực hiện dự án:

Vốn đầu tư thực hiện dự án giai đoạn 1 bao gồm:

- (i). Vay thương mại từ ngân hàng: Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam đã chấp thuận cho vay theo quyết định số 9076/VCB-QLRRTD ngày 8/9/2014 về việc: Phê duyệt cho vay đối với Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện của công ty cổ phần cơ điện Trần Phú với tỷ lệ vốn cho vay khoảng 60%/Tổng nhu cầu vốn đầu tư.
- (ii) Nguồn vốn tự có 40% bao gồm giá trị của tài sản thiết bị máy móc đã đầu tư di dời sang khoảng 43.532.662.802 đồng ; một phần dự kiến nhận từ đền bù hỗ trợ di dời trụ sở tại 41 Phương Liệt khoảng 75 tỷ đồng.
- (iii). Nguồn thu từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Theo tính toán, nguồn vốn chủ sở hữu cần huy động cho dự án (giai đoạn 1) như sau:

Bảng 24: Nhu cầu bổ sung vốn tự có cho dự án (giai đoạn 1)

Tổng nhu cầu vốn đầu tư	495.535.848.000
Cơ cấu vốn dự kiến	495.535.848.000
- Vốn vay ngân hàng 60%	298.537.000.000
- Vốn chủ sở hữu đối ứng 40%	196.998.848.000
Cơ cấu vốn tự có hiện tại	118.532.662.802
Vốn tự có cần bổ sung	(78.466.185.198)

Hiệu quả kinh tế của dự án:

Việc đầu tư di chuyển Công ty sang địa điểm mới tạo ra một tiềm năng mới cho sự phát triển lâu dài, bền vững, và nâng cao khả năng phát triển sản xuất kinh doanh. Những điều kiện thuận lợi sau khi hoàn thành dự án:

- Dự án nằm trong khu quy hoạch, ổn định, điều kiện giao thông thuận lợi, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo;
- Nhà xưởng, hạ tầng cơ sở được xây dựng mới theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành đảm bảo cho sản xuất;
- Thiết bị được bố trí lại hợp lý, theo quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm nên tiết kiệm được chi phí vận chuyển nội bộ và quản lý và nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Nhà xưởng được thiết kế hợp lý, có quỹ đất cho phát triển sản xuất.

Hiệu quả tài chính của dự án (Giai đoạn I):

- Các số liệu cơ bản để phân tích kinh tế:
 - Thời gian khảo sát: 21 năm
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp 25%/năm
- Kết quả phân tích hiệu quả dự án:

• Giá trị hiện tại ròng (NPV)	131.367 triệu đồng
• Tỷ lệ sinh lãi nội tại (IRR)	15,54%
• Thời gian hoàn vốn với chiết khấu	14 năm 3,5 tháng
• Doanh thu trung bình năm	1.691.039 triệu đồng
• Chi phí SXKD trung bình năm	1.491.922 triệu đồng
• Thu nhập chịu thuế trung bình năm	199.117 triệu đồng
• Thu nộp ngân sách trung bình năm	101.052 triệu đồng
• Thu nhập sau thuế trung bình năm	143.333 triệu đồng
• Lợi nhuận so với doanh thu	8,48%

PHẦN 7: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành: 78.400.000.000 đồng. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 01-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/10/2014, toàn bộ số tiền sẽ được sử dụng cho việc triển khai giai đoạn 1 – Dự án đầu tư xây dựng di chuyển nhà máy sản xuất dây cáp điện từ 41 Phương Liệt sang địa điểm mới tại Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội.

Kế hoạch sử dụng tiền thu được:

Thời gian	Số tiền (đồng)
Tháng 02/2015	3.000.000.000
Tháng 03/2015	4.500.000.000
Tháng 04/2015	15.000.000.000
Tháng 05/2015	16.000.000.000
Tháng 06/2015	19.000.000.000
Tháng 07/2015	20.900.000.000

PHẦN 8: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên công ty : Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Địa chỉ : Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 38241990 Fax: (84.4) 38253973

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)
Trụ sở chính : Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Lầu 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

Ý kiến của Tổ chức tư vấn

Đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 156.800.000.000 đồng sẽ giúp Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú bổ sung vốn đối ứng để thực hiện giai đoạn 1 Dự án “Đầu tư xây dựng di chuyển Nhà máy sản xuất dây cáp điện – Công ty CP Cơ điện Trần Phú tại Phường Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội”, đồng thời góp phần tăng quy mô vốn hoạt động, nâng cao năng lực tài chính, tiết kiệm chi phí lãi vay và giúp Công ty từng bước có đủ điều kiện về vốn để niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán trong tương lai.

Việc đầu tư dự án của Công ty là hoàn toàn phù hợp với chủ trương quy hoạch chung của thành phố Hà Nội, mục tiêu, định hướng và chiến lược phát triển Công ty và triển vọng phát triển ngành.

Đối tượng chào bán là cổ đông hiện hữu của Công ty nên người nhận được quyền mua hiểu biết rất rõ về định hướng phát triển, tình hình kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty. Vì vậy, mặc dù đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành, nhưng với sự phục hồi của thị trường chứng khoán trong thời gian trở lại đây, cùng với việc giá phát hành khá hấp dẫn ở mức 10.000 đồng/ cổ phiếu thì BSC cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu Công ty. Nếu không có các diễn biến bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến đợt phát hành thì khả năng thành công của kế hoạch chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty là khả quan.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và lý thuyết về chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

CÁC HỒ SƠ KÈM THEO

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao hợp lệ Điều lệ
- Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013
- Bản gốc Báo cáo tài chính quý 3/2014
- Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2014 thông qua việc phát hành;
- Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch;
- Các tài liệu khác.

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



QUẢN NGỌC CƯỜNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Dũng

Đỗ Tân Thu Trà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐT&PT VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Thu Chanh